

Số: 209/KH-MNXS

Xuân Sơn, ngày 23 tháng 8 năm 2024

**KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2024 - 2025**

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Điều 8 Chương trình giáo dục và Điều 25 Chương trình giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ tài liệu hướng dẫn phát triển Chương trình giáo dục nhà trường trong các cơ sở giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

Căn cứ Công văn số 1454/PGD&ĐT, ngày 21/8/2024 của phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 và hướng dẫn tổ chức tựu trường, khai giảng năm học 2024 - 2025;

Căn cứ tài liệu hướng dẫn phát triển Chương trình giáo dục nhà trường trong các cơ sở giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

Căn cứ đánh giá hiệu quả thực hiện Kế hoạch giáo dục nhà trường, các nhóm lớp và đội ngũ giáo viên trường Mầm non Xuân Sơn năm học 2023 - 2024;

Căn cứ tình hình thực tế, trường Mầm non Xuân Sơn xây dựng Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2024 - 2025 như sau:

PHẦN I

BỐI CẢNH, ĐIỀU KIỆN CỦA NHÀ TRƯỜNG, ĐỊA PHƯƠNG.

I. Bối cảnh bên ngoài

1. Cơ hội:

- Vị trí địa lý Trường mầm non Xuân Sơn nằm ở trung tâm phường Xuân Sơn với tổng diện tích 7.034m², trường có 02 điểm (điểm Trung tâm và điểm lẻ Mễ Sơn). Nhà trường trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, khuôn viên nhà trường được quy hoạch xanh - sạch - đẹp tạo môi trường học tập

an toàn, thân thiện cho trẻ.

Tỷ lệ sinh các năm không đồng đều, hàng năm số trẻ huy động ra lớp không ổn định, khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục. Tỷ lệ huy động trẻ độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo 3 tuổi ra lớp còn thấp so với dân số độ tuổi trên địa bàn phường.

Trường nằm trên địa bàn phường song người dân phường Xuân Sơn thu nhập chủ yếu là làm nông nghiệp, lao động tự do nên không ổn định về mức thu nhập, nhân lực hết tuổi lao động nhiều nên phụ huynh không cho trẻ độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo 3 tuổi ra lớp, họ tự trông giữ tại nhà.

+ Phụ huynh mong muốn khi gửi con đến trường sẽ được chăm sóc nuôi dưỡng khoa học, tiếp cận các mô hình giáo dục tiên tiến, các hoạt động vui chơi trải nghiệm.

2. Thách thức:

- Trường Mầm non Xuân Sơn có 02 điểm trường: Điểm trung tâm và điểm Mễ Sơn, điểm trường Trung tâm đặt tại khu Xuân Viên 3 tách Khu Mễ Sơn, Đông Sơn bằng đường quốc lộ giao thông nhiều xe cộ qua lại, cách xa khu Xuân Viên 3 khoảng 2km. Tiềm năng kinh tế của địa phương phường Xuân Sơn chủ yếu là sản xuất nông nghiệp kết hợp chăn nuôi trồng trọt và dịch vụ. Những năm gần đây, do tình hình dịch bệnh Covid-19 xảy ra nhiều năm liên tục đã làm giảm chất lượng kinh tế, ảnh hưởng đến mức thu nhập người dân trong vùng. Chính vì vậy hàng năm tỷ lệ trẻ ra lớp học tại trường còn thấp, thất thường, không ổn định trẻ đi học tại các xã/phường khác tương đối đông..

- Đa số cha mẹ trẻ bận đi làm ít có thời gian tham gia các hoạt động của nhà trường, việc đưa đón trẻ chủ yếu là ông bà nên việc trao đổi thông tin hai chiều còn bất cập.

- Phụ huynh có tư tưởng kỳ vọng và có mong muốn trẻ được học chương trình giáo dục mầm non cao so với quy định đã gây nhiều áp lực cho CBGV trong nhà trường.

- Vẫn còn nhiều cha mẹ học sinh nhất là đối với trẻ 5-6 tuổi, đều có nguyện vọng cho trẻ học trước chương trình lớp 1 và cho trẻ học trước ở các cơ sở ngoài.

II. Bối cảnh bên trong nhà trường

1. Điểm mạnh:

Trường Mầm non Xuân Sơn được thành lập từ năm 1976, tiền thân là trường Mẫu giáo Xuân Sơn. Trải qua 48 năm cùng với sự phát triển và đi lên của đất nước. Trường Mầm non Xuân Sơn đã không ngừng phấn đấu vươn lên, dù ở thời điểm nào tập thể nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ đạt kết quả tốt.

Nhà trường từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, Tháng 01 năm 2020 nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh công nhận

trường mầm non Xuân Sơn đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Tháng 8 năm 2020 nhà trường được Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh công nhận trường mầm non đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3.

Hàng năm nhà trường đã không ngừng nỗ lực phấn đấu vươn lên duy trì chất lượng, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đội ngũ CBGVNV: Có 29 CBGVNV trong đó 29/29 CBGVNV đạt trình độ chuẩn; 27/29 đạt 93 % cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt trình độ trên chuẩn, nhiệt tình trong công tác, có năng lực và có nhiều kinh nghiệm trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, năng động, sáng tạo; tích cực, trách nhiệm, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường; giáo viên mầm non đáp ứng được chuẩn nghề nghiệp, 100 % cán bộ quản lý giáo viên đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp đạt từ mức khá trở lên.

Nhà trường có 02 điểm trường đặt tại trung tâm Khu Xuân Viên 3-phường Xuân Sơn, điểm lẻ khu Mễ Sơn- Phường Xuân Sơn. Cơ sở vật chất của nhà trường được xây dựng kiên cố gồm 11 phòng học và các phòng chức năng và đồ dùng, trang thiết bị dạy học theo quy định, đáp ứng cho công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo yêu cầu. Môi trường giáo dục trong và ngoài lớp xanh, an toàn, thân thiện, phong phú, hấp dẫn trẻ, tạo mọi cơ hội cho trẻ thực hành, trải nghiệm

2. Điểm yếu:

Cơ sở vật chất điểm trường trung tâm xây dựng nhiều năm đã xuống cấp nên ảnh hưởng đến việc phụ huynh lựa chọn trường học cho trẻ có cơ sở vật chất tốt hơn và thuận tiện về giao thông.

Đồ dùng đồ chơi theo thông tư được cấp phát từ nhiều năm nên trong quá trình sử dụng đã hư hỏng, nhiều danh mục thiết bị đồ dùng, đồ chơi chưa được bổ sung kịp thời theo quy định.

Việc tiếp cận với phương pháp giáo dục tiên tiến của một số giáo viên còn hạn chế.

PHẦN II

MỤC TIÊU KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG.

I. MỤC TIÊU CHUNG

Mục tiêu của kế hoạch giáo dục nhà trường “Giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ; *khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn*; hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, những năng lực, phẩm chất cần thiết làm nền tảng để trở thành công dân toàn cầu chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một và việc học tập suốt đời”

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ THEO TỪNG LĨNH VỰC

1. Mục tiêu chương trình giáo dục nhà trẻ.

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 3 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - xã hội và thẩm mỹ; *khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, những năng lực, phẩm chất cần thiết làm nền tảng để trở thành công dân toàn cầu.*

1.1. Phát triển thể chất.

- Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được các kỹ năng vận động cơ bản và vận động tinh theo độ tuổi.
- Có một số tổ chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.
- *Biết 1 số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.*

1.2. Phát triển nhận thức.

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.
- *Có một số khái niệm sơ đẳng về toán: Màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian.*

1.3. Phát triển ngôn ngữ.

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu *bản thân*.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ, và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

1.4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- *Biết thực hiện hành vi văn hóa giao tiếp và thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.*
- *Biết thực hiện một số kỹ năng sống đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.*
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện...

2. Mục tiêu giáo dục mẫu giáo

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học. *Hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo.*

Cho trẻ bước đầu làm quen với tin học để củng cố kiến thức của các hoạt động học tập, phát triển các kỹ năng nhận biết, tư duy, sáng tạo... đồng thời tạo tiền đề và kỹ năng sử dụng thiết bị điện tử là rất cần thiết để từ đó hướng tới mục tiêu trẻ trở thành những công dân toàn cầu ưu tú thích nghi với sự thay đổi của toàn cầu hóa.

2.1. Phát triển thể chất.

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

2.2. Phát triển nhận thức.

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.

- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.

- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.

- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

- Có khả năng sử dụng 1 số thao tác đơn giản trên máy tính trong chơi trò chơi, các hoạt động

- Sử dụng máy tính như là một công cụ, trẻ có được một ý thức về sự hoàn thiện và kỹ năng khi chúng sáng tạo, chơi và học đếm, nhận biết, so sánh trong toán học.

2.3. Phát triển ngôn ngữ.

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).

- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày.

- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Giúp trẻ nhận biết mặt chữ cái, qua đó biết được cách viết các chữ số. Biết cách tô chữ cái

- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

2.4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội

- Có ý thức về bản thân.

- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

- Có một số kỹ năng sống: Tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

- Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

2.5. Phát triển thẩm mỹ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

- Trẻ phát triển sự sáng tạo thông qua các hoạt động trong trò chơi như tạo thiệp chúc mừng ông, bà, cha, mẹ, thầy cô giáo...

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Phân phối thời gian.

Chương trình thiết kế 35 tuần/năm học. Học kỳ I là 18 tuần, học kỳ II là 17 tuần bắt đầu từ ngày 5 tháng 9 năm 2024, kết thúc tuần 35 vào ngày 23/5/2025 theo công văn số 1454/PGD&ĐT, ngày 21 tháng 8 năm 2024 của phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc thực hiện khung thời gian năm học 2024-2025 và hướng dẫn một số nội dung chuẩn bị cho năm học 2024-2025

Đối với các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo mỗi tuần làm việc 5 ngày từ thứ 2 đến thứ 6. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hàng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của nhà trường. Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của toàn ngành.

2. Chế độ sinh hoạt

2.1. Chế độ sinh hoạt nhà trẻ

STT	THỜI GIAN MÙA HÈ	NỘI DUNG	THỜI GIAN MÙA ĐÔNG
1	6h45 - 7h45	Vệ sinh - Đón trẻ, điểm danh	7h00 - 8h00
2	7h45 - 8h00	Thở dục sáng	7h45 - 8h15
3	8h00 - 8h20	Chơi - tập có chủ định	8h15 - 8h35
4	8h20 - 9h10	Chơi ngoài trời, chơi ở các góc	8h35 - 9h25
5	9h10 - 10h00	Chơi tự chọn	9h25 - 10h15
6	10h00 - 11h00	Chuẩn bị - Vệ sinh - Ăn chính	10h15 - 11h15
7	11h00 - 13h30	Vệ sinh - Ngủ	11h15 - 13h45
8	13h30 - 14h20	Vệ sinh - Ăn phụ	13h45 - 14h30
9	14h20 - 15h30	Chơi buổi chiều	14h30 - 15h30
10	15h30 - 17h00	Chơi - Vệ sinh - Trả trẻ	15h30 - 17h00

2.2. Chế độ sinh hoạt mẫu giáo

STT	THỜI GIAN MÙA HÈ	NỘI DUNG	THỜI GIAN MÙA ĐÔNG
1	6h45 - 7h45	Đón trẻ, chơi - Điểm danh	7h00 - 8h00
2	7h45 - 8h00	Thể dục sáng	8h00 - 8h15
3	8h00 - 8h40	Hoạt động học	8h15 - 8h55
4	8h40 - 9h20	Chơi ngoài trời	8h55 - 9h25
5	9h20- 10h10	Chơi, hoạt động ở các góc	9h25 - 10h15
6	10h10 -11h20	Chuẩn bị - Vệ sinh - Ăn chính	10h15 - 11h25
7	11h20 -13h50	Vệ sinh - Ngủ	11h25 - 13h55
8	13h50 -14h20	Vệ sinh - Ăn bữa phụ	13h55 -14h25
9	14h20 -15h40	Chơi buổi chiều	14h25 –15h45
10	15h40 -17h00	Chơi theo ý thích - VS - Trả trẻ	15h45 - 17h00

PHẦN III: NỘI DUNG NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ THEO ĐỘ TUỔI VÀ KẾT QUẢ MONG ĐỢI (MỤC TIÊU)

I. NHÀ TRẺ: Độ tuổi 24-36 tháng tuổi

1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mục tiêu cụ thể (Kết quả mong đợi)	Nội dung
Tổ chức ăn	
MT1: Trẻ được ăn theo Chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi tại trường. Hai bữa chính và một bữa phụ, đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định <i>- Nhu cầu năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một</i>	Chế độ ăn: Cơm thường, Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ: 930-1000 Kcal, Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ ngày/trẻ (chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày: 600 - 651 Kcal + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả

ngày chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày: 600 - 651 Kcal . -Trẻ được ăn theo thực đơn, phù hợp với lứa tuổi, nguồn thực phẩm của địa phương và được thay đổi không trùng lặp	ngày. + Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu: Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn) - Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.
Tổ chức ngủ	
MT 2: Trẻ được Ngủ trưa đúng giờ, đủ giấc và an toàn.	- Ngủ một giấc buổi trưa đúng, đủ giờ (150 phút: từ 11h15 - 13h45).
Vệ sinh	
MT 3: Trẻ Biết vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường	- Vệ sinh cá nhân, rửa tay, rửa mặt, đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.
Chăm sóc sức khỏe và an toàn	
MT 4: - Trẻ được khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. - Trẻ biết phòng tránh các bệnh thường gặp. -Trẻ được theo dõi tiêm	Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. - Phòng tránh các bệnh thường gặp. -Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

chúng. - Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	
--	--

2. Giáo dục

Mục tiêu	Nội dung
2.1. Lĩnh vực phát triển thể chất	
- Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
MT 5: Thực hiện được đủ các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng / bụng và chân.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên, vặn người sang hai bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân
- Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu	
MT 6: Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi, đứng.	- Đi theo hiệu lệnh, - Đi trong đường hẹp; - Đi có mang vật trên tay. - Đứng co một chân.
MT 7: Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động chạy, thay đổi tốc độ nhanh-chậm theo cô.	- Chạy theo hướng thẳng. - Chạy thay đổi tốc độ nhanh chậm theo hiệu lệnh.
MT 8: Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng	- Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. - Bò trong đường ngoằn ngoèo - Bò chui qua cổng - Bò, trườn qua vật cản
MT 9: Trẻ biết nhún bật bằng 2 chân	- Nhún bật tại chỗ, bật qua vạch kẻ (Bật qua các vòng) - Nhún bật về phía trước; Bật xa bằng hai chân

MT 10: Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung bóng với cô ở khoảng cách 1m: ném vào đích xa 1-1,2m.	- Tung – bắt bóng cùng cô - Tung bóng bằng 2 tay ; Tung bóng qua dây - Ném bóng trúng đích (đích xa 70 – 100cm)
MT 11: Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m)	- Ném bóng về phía trước (ném xa bằng 1 tay) - Lăn bóng về phía trước
- Thực hiện vận động của bàn tay, ngón tay	
MT 12: Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện “ múa khéo”	- Nhón nhặt đồ vật - Đóng cọc bàn gỗ - Lật mở trang sách
MT 13: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn: vẽ tổ chim: khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Tập khâu, luồn dây, cời cúc, cài, buộc dây - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, vò, xé, đào. - Tập cầm bút tô, vẽ
MT 14: Trẻ biết ghép được các mảnh hình	- Ghép ghép hình - Xếp chồng 6-8 khối
Có nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	
MT15: Trẻ biết thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.	- Rèn trẻ đi vệ sinh theo giờ. - Hướng dẫn trẻ làm quen với thời gian biểu, thời khoá biểu của lớp: Giờ đón trẻ; giờ thể dục sáng; giờ chơi tập có chủ định; giờ chơi tự do ở các góc; giờ chơi tập buổi chiều; giờ ăn, ngủ; giờ trả trẻ.
MT16: Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống. - <i>Biết tên một số món ăn hàng ngày</i>
MT 17: Trẻ có một số nề nếp thói quen trong sinh hoạt hàng ngày.	- Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau miệng, uống nước sau khi ăn và vứt rác đúng nơi quy định

MT17: Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.
MT 18: Trẻ ngủ được một giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ một giấc trưa
MT19: Trẻ biết thể hiện một số nhu cầu về ăn uống và vệ sinh bằng cử chỉ, lời nói.	- Trẻ nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, đi vệ sinh
Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe	
MT 20: Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (Lấy nước uống, đi vệ sinh...)	-Tập tự phục vụ; - Xúc cơm, uống nước - Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần, áo khi bị bẩn, ướt, cởi tất... - Chuẩn bị chỗ ngủ -Tập một số thói quen đơn giản trong rửa tay, lau mặt.
MT 21: Trẻ biết chấp nhận đội mũ khi ra ngoài nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Trẻ có thói quen khi đi ra ngoài là phải đội mũ, áo nắng..
Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	
MT 22: Nhận biết và tránh một số vật dụng nguy (như bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng nước) khi được nhắc nhở.	- Một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được sờ vào hoặc đến gần. (<i>bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng nước</i>) .
MT 23: Biết và tránh một số hành động nguy hiểm(leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở - Không tự lấy thuốc uống - Không leo trèo bàn ghế,	- Một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. (<i>leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...</i>)
2.2. Lĩnh vực phát triển nhận thức	
Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan (<i>Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác</i>)	

MT 24: Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của các đối tượng.	- Sờ nắn số đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng mềm, trơn nhẵn. - Sờ nắn nhìn ngửi nếm ... đồ vật, hoa quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt- mặn- chua)
MT 25: Biết nghe và nhận biết các âm thanh khác nhau	- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu một số con vật quen thuộc <i>có số lượng, tốc độ (nhANH, chậm) khác nhau.</i>
Nhận biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi.	
MT 26: Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc
MT27: Trẻ biết được tên của bản thân, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên, <i>tuổi, giới tính</i> và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân - Tên và công việc của những người thân và những người gần gũi khi được hỏi
MT 28: Trẻ biết gọi tên cô giáo và các bạn trong lớp.	- Tên cô giáo và các bạn trong lớp.
MT 29: Trẻ biết gọi tên, một số đặc điểm của phương tiện giao thông gần gũi.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
MT30: Biết được tên và chức năng một số bộ phận của cơ thể khi được hỏi.	- Biết tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
MT31: Trẻ biết được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của đồ vật, con vật, hoa, quả, rau quen thuộc
MT 32: Trẻ nói đúng tên và lấy hoặc cất đúng được màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu.	- Nhận biết màu đỏ, vàng, xanh

MT 33: Chỉ nói đúng tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to- nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước to nhỏ
MT34: Trẻ nhận biết được vị trí không gian so với bản thân.	- Vị trí trong không gian: (trên, dưới, trước, sau) so với bản thân trẻ
MT35: Trẻ nhận biết hình tròn, hình vuông.	- Hình tròn, hình vuông.
MT36: Trẻ nhận biết số lượng (một và nhiều)	- Số lượng (một và nhiều)
MT37: Trẻ biết các sự vật và hiện tượng xung quanh	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh. <i>Ảnh hưởng đến sinh hoạt của trẻ (biết mặc áo ấm, đi tắt khi trời lạnh, biết cởi áo khi nóng)</i>
2.3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
Nghe hiểu lời nói	
MT 38: Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: “ cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay”	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói
MT39: Trẻ biết trả lời các câu hỏi: “ Ai đây” “Cái gì đây?”; “Làm gì ?”; “ thế nào ?” Ví dụ: Con gà gáy thế nào?	- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?” ;“Ở đâu?”; “ Như thế nào?”; “Để làm gì?” - Trả lời và đặt câu hỏi “Cái gì?”; “Làm gì?” ;“Ở đâu?”; “ Thế nào?”; “Để làm gì?”; “ Tại sao”
MT40: Trẻ hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên hành động của các nhân vật.	- Nghe truyện ngắn
MT41: Trẻ hiểu được nội dung bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố
MT 42: Trẻ nghe hiểu các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc

MT43: Trẻ biết sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn: Da, vâng, chào hỏi...
Nghe nhắc lại các âm, các tiếng và các câu	
MT44: Trẻ biết phát âm rõ tiếng	- Phát âm các âm khác nhau. <i>Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ theo yêu cầu</i>
MT 45: Trẻ biết kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý
MT46: Trẻ đọc được các bài thơ, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc được các bài thơ, đồng dao ngắn có 3 - 4 tiếng
Làm quen với sách	
MT 47: Trẻ biết lắng nghe khi người lớn đọc sách	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách
MT 48: Trẻ biết xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật hành động gần gũi trong tranh.	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp	
MT 49: Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm hành động quen thuộc trong giao tiếp.
MT 50: Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau, chào hỏi khi trò chuyện.	- Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi khi trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân + Hỏi về các vấn đề trẻ quan tâm như: cái gì đây?, con gì đây? ...
MT 51: Nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Chào hỏi khi gặp người lớn, biết cảm ơn, xin lỗi, mạnh dạn tự tin khi giao tiếp, nói năng nhẹ nhàng
MT 52: Trẻ biết bày tỏ nhu cầu mong muốn của bản thân.	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của bản thân và hiểu biết bằng một, hai câu đơn giản và câu dài.

2.4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội và thẩm mỹ	
Biểu lộ sự nhận thức về bản thân.	
MT53: Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên và tuổi)	- Tên gọi, một số đặc điểm tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân như: mắt, mũi, miệng, tay, chân.
MT54: Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích	- Thể hiện những điều mình thích hay không thích qua ánh mắt, nét mặt, trạng thái của trẻ
Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi	
MT55: Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh thân thiện với bạn, chơi cạnh bạn
MT56: Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn và sợ hãi, tức giận.	- Nhận một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận, sợ hãi.
MT57: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc, vui: buồn sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.
MT58: Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi của con chó, gà, vịt, mèo.	- Trẻ quan tâm đến con vật nuôi gần gũi quen thuộc con chó, gà, vịt, mèo.. - <i>Biết bảo vệ chăm sóc con vật nuôi</i>
Thực hiện hành vi xã hội đơn giản	
MT59: Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa, giao tiếp chào, cảm ơn, vâng ạ.
MT60: Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bé em bé, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi để thể hiện hành vi xã hội đơn giản như: <i>búp bê (chơi trò chơi bé em), nôi, thìa, bát, bếp (chơi trò chơi Khuấy bột cho em bé), điện thoại (chơi trò chơi nghe điện thoại)...</i>
MT61: Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn, chơi cùng bạn không tranh giành đồ chơi của bạn cùng chơi. - <i>Biết hành vi “đúng - sai”</i>

MT62: Thực hiện một số yêu cầu của người lớn <i>- Biết chăm sóc cây, hoa, biết bỏ rác đúng nơi quy định</i>	- Thực hiện một số yêu cầu đơn giản của giáo viên như: <i>nhặt, bỏ rác đúng nơi quy định, chăm sóc cây, hoa...</i> - Thực hiện một số quy định đơn giản sinh hoạt ở nhóm lớp, xếp hàng chờ đến lượt để được vào nơi quy định
Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình. Xem tranh	
MT63: Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc..	- Hát và tập vận động bài hát đơn giản theo nhạc
MT64: Trẻ biết nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau, nghe âm thanh của các nhạc cụ.	- Nghe hát, nghe nhạc với giai điệu khác nhau; Nghe âm thanh của các nhạc cụ. <i>- Nghe nhạc nước ngoài</i>
MT65: Thích tô màu, vẽ, nặn, xé xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Xem tranh ảnh theo chủ đề - Xem tranh ảnh theo chủ đề - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình,
MT66: Trẻ thích xem tranh và gọi tên	- Xem tranh ảnh theo chủ đề - Xem tranh ảnh về các sự vật, con vật gần gũi quen thuộc.

II. MẪU GIÁO

1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
Tổ chức ăn	
MT 1: Trẻ được Ăn đủ bữa ăn: 1 bữa chính và 1 bữa phụ đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định.	- Tham gia xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn. - Nhu cầu năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal. - Ăn một bữa chính vào buổi trưa và một bữa phụ vào buổi chiều. - Ăn theo thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. Ăn đủ khẩu phần và cân đối về dưỡng chất. + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần. - Uống đủ nước: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
Tổ chức ngủ	
MT 2: Trẻ được Ngủ trưa đúng giờ, đủ giấc và an toàn.	- Tổ chức cho trẻ Ngủ một giấc buổi trưa từ 11h20 - 13h50 thời gian 150 phút. - Phòng ngủ vệ sinh sạch sẽ đảm bảo các điều kiện phù hợp với thời tiết an toàn với trẻ
Vệ sinh	

MT 3 : Trẻ biết vệ sinh cá nhân như : rửa tay, rửa mặt, đi vệ sinh đúng nơi quy định;	- Vệ sinh cá nhân đúng cách: + Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động trong ngày. + Rửa mặt + Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
MT 4: Trẻ biết giữ gìn, bảo vệ và vệ sinh Môi trường trong và ngoài lớp học	- Vệ sinh môi trường: + Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. + Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải: ngày/lần
Chăm sóc sức khỏe và an toàn	
MT 5: Trẻ được chăm sóc sức khỏe và an toàn, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: + Cân nặng: Trẻ trai: 15,9 - 27,1 kg Trẻ gái: 15,3 - 27,8 kg + Chiều cao: Trẻ trai: 106,1 - 125,8 cm Trẻ gái: 104,9 - 125,4 cm - Giảm tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân và thấp còi xuống 1% so với đầu năm học, không chế trẻ béo phì	- Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần/năm (tháng 09 và 03). - Cân đo cho trẻ theo qui định: cân 3 tháng 1 lần; đo 3 tháng 1 lần. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng và sức khỏe trẻ trên biểu đồ tăng trưởng, theo dõi trẻ thừa cân, trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi - Có giải pháp kịp thời phòng chống trẻ suy dinh dưỡng, béo phì.
MT 6: Trẻ được phòng tránh các dịch bệnh xảy ra tại lớp. Tiêm chủng theo quy định.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp (tay chân miệng, các dịch bệnh theo mùa: cúm A,B, bệnh thủy đậu...) - Tiêm chủng: uống các loại VTM, tiêm chủng theo chương trình của Y tế.
MT 7: Trẻ được đảm bảo Phòng tránh một số tai nạn thương tích	- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp. - Môi trường giáo dục đảm bảo an toàn, phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ.

	- Các hành vi, quy tắc bảo đảm an toàn cho bản thân và người khác -Thói quen an toàn cá nhân, chơi an toàn, chơi các trò chơi lành mạnh
--	---

2. Giáo dục

2.1. Độ tuổi 3-4 tuổi

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
1. Lĩnh vực phát triển thể chất	
1.1. Phát triển vận động	
<i>Thực hiện được các động tác phát triển cơ và hô hấp</i>	
MT8: Thực hiện đúng, đủ các động tác trong bài tập theo hướng dẫn. Thực hiện đủ các động tác trong bài tập theo nhạc bài hát.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực - Lung, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang + Ngồi xổm, đứng lên. Co duỗi chân +BAT tại chỗ
Thực hiện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các các tố chất trong vận động.	
MT9: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi kiễng gót liên tục 3 m	- Đi kiễng gót. - Đi trong đường hẹp. - <i>Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát.</i>
MT10: Kiểm soát được vận động đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi, chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc
MT11: Trẻ biết phối hợp tay	- Lăn, đập, tung bắt bóng với cô.

mắt trong vận động - Tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liên tục không rơi bóng (khoảng cánh 2,5 m) - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	- Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên - Tung bóng lên cao bằng 2 tay
MT12: Trẻ thực hiện bật xa tối thiểu 25 cm	- Bật tại chỗ. - Bật về phía trước. - Bật xa 20-25 cm.
MT13: Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, nhẹn khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m) - Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.	- Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang. - Ném trúng đích bằng 1 tay. - Ném xa bằng 1 tay, <i>Ném xa bằng 2 tay.</i> - Bò, trườn, trèo theo hướng thẳng, đích dốc. - Bò chui qua cổng; Bò trong đường hẹp - <i>Bò chui qua ống dài 1mx0,6m</i> - Trườn về phía trước - Bước lên xuống bậc cao(30cm).
Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt	
MT14: Trẻ thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau.	- Gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết.
MT15: Phối hợp được các cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động.	- Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. - Tô vẽ nguệch, ngoạc. - Cài, cởi cúc áo. - Xếp chồng các hình khối khác nhau.
1.2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.	
<i>Biết một số món ăn thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe</i>	
MT16: Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...)	- Một số thực phẩm quen thuộc.
MT17: Trẻ biết tên một số	- Một số món ăn quen thuộc

món ăn hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	- Một số món ăn và thực phẩm đặc sản của địa phương Xuân Sơn (.....)
MT18: Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Một số bữa ăn trong ngày, ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất. - Lựa chọn thực phẩm lành mạnh; Từ chối thực phẩm không lành mạnh; ăn uống đủ chất, cân đối, thử thức ăn mới, uống nhiều nước, ăn sáng - Ăn uống đầy đủ, hợp lý và lành mạnh: ăn sáng, đồ ăn lành mạnh khi đi ăn ở ngoài...
Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	
MT19: Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.	- Làm quen với cách đánh răng, lau mặt - Tập rửa tay bằng xà phòng - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo... - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh
MT20: Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc, đúng cách.	- Sử dụng ca, cốc, bát thìa đúng cách.
Có một số hành vi thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
MT21: Trẻ có một số hành vi tốt, trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi.... <i>Biết một số hành vi chưa tốt trong ăn uống: Nhỏ bậy, nhặt đồ rơi vãi ăn, uống nước chưa đun sôi, ăn quà vặt không lành mạnh...</i>	- Một số hành vi liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - Vệ sinh vắn minh trong ăn uống. - Một số hành vi chưa tốt ảnh hưởng đến sức khỏe. - <i>Học cách ăn uống lành mạnh và quy tắc, hành vi, lịch sự khi ăn uống.</i>
MT22: Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Trang phục theo thời tiết - Một số biểu hiện khi ốm - Nói với người lớn khi đau, khi chảy máu
- Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	
MT23: Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm	- Một số vật dụng nguy hiểm và phòng tránh xa (phích nước nóng, ổ cắm điện, bếp đang

(bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.	nấu... - Một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
MT24: Biết tránh nơi không an toàn, nguy hiểm (hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.	- Những nơi không an toàn, nguy hiểm và cách phòng tránh : ao, hồ, bể nước, giếng, hố vôi....
MT 25: Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật sắc nhọn gây nguy hiểm đến tính và phòng tránh. - Không đùa cợt trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp <i>- Cách chơi an toàn, các trò chơi lành mạnh.</i>
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức	
2.1. Khám phá khoa học	
<i>Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng</i>	
MT26: Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng. <i>Thông qua Phần mềm KIDS MART</i>	- Sự vật: Con người, đồ vật, con vật, cây cối. - Hiện tượng tự nhiên: Thời tiết mùa, ngày và đêm, nước, ánh sáng, đất đá cát sỏi. - <i>Tìm hiểu các yếu tố thời tiết khác nhau. Nghe dự báo và xem hình minh họa thời tiết vừa tạo. ((Ngôi nhà khoa học của Sammy - Máy tạo thời tiết)</i>
MT27: Trẻ sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. <i>Thông qua Bàn tương tác thông minh efun Table (Quả táo)</i>	- Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể <i>- Các bộ phận trên cơ thể; biết được đâu là chỗ/khu vực (vùng riêng tư) mà không ai được phép xâm phạm.</i> - Hình dạng kích thước: dài, ngắn, to, nhỏ, tròn, nhọn. - Bộ phận cơ thể: tay, chân, tóc, mũi, miệng. <i>(Người bạn ngộ nghĩnh)</i>
MT28: Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối	- Các thử nghiệm : Chìm - nổi; Vì sao ngọn nến tắt; Cây cần gì để lớn lên và phát triển, chong chóng gió...

tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	
MT29: Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Làm một số thí nghiệm đơn giản - Xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.
MT30: Trẻ biết phân loại các đối tượng theo dấu hiệu nổi bật Thông qua Bàn tương tác thông minh efun Table (Quả táo)	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi - Tên đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Chọn hình trang phục, đồ dùng, con vật.. khác so với các hình còn lại Trò chơi: Kids Bazain Trainerfull – Piffere
Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản	
MT31: Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi. Thông qua Bàn tương tác thông minh efun Table (Quả táo)	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi. - Chọn hình ảnh đặc điểm con vật về hình dạng, màu sắc, nơi sống... cho phù hợp - Nối bóng của các con vật, đồ vật... cho phù hợp (Trò chơi: Kids Bazain Trainerfull-Match It)
Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	
MT32: Trẻ mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo Thông qua Bàn tương tác thông minh efun Table (Quả táo)	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi - Tên đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Chọn hình ảnh, biểu cảm, cảm xúc cho phù hợp (Trò chơi: Kids Bazain Trainerfull -

	<i>Match It)</i>
MT33: Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Các vai của trò chơi đóng vai theo chủ đề, các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
2.2.Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
<i>Nhận biết, đếm, số lượng</i>	
MT34: Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vệt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng. <i>Thông qua Bàn tương tác thông minh efun Table (Quả táo)</i>	- Đếm theo khả năng. - <i>Tô thứ tự các chữ số theo ý thích từ và tô theo yêu cầu của giáo viên (Trò chơi: 123 Numbes)</i>
MT35: Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5
MT36: Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- 1 và nhiều - <i>So sánh hai nhóm bằng nhau về số lượng.</i> - <i>So sánh nhiều hơn, ít hơn.</i>
MT37: Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm
MT38: Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
<i>Sắp xếp theo quy tắc</i>	
MT39: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi - Xếp xen kẽ
<i>So sánh, phân loại</i>	
MT40 : Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và	- <i>So sánh hai nhóm bằng nhau về kích thước.</i> - <i>So sánh to hơn, nhỏ hơn.</i>

nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn: dài hơn/ ngắn hơn: cao hơn/ thấp hơn: bằng nhau.	- <i>So sánh dài hơn, ngắn hơn.</i> - <i>So sánh cao hơn, thấp hơn.</i> - So sánh hai đối tượng về kích thước, - Phân thành nhóm theo dấu hiệu màu sắc, kích thước, hình dạng.
Nhận biết hình dạng	
MT41: Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật. <i>Trẻ có thể sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản</i> Thông qua Phần mềm KIDS MART	- Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình học để ghép. - <i>Sử dụng các vật liệu khác nhau: dây chun, hạt hạt, đất nặn... để tạo các hình đơn giản.</i> - <i>Chọn hình, thiết lập trên khoảng trống hoặc theo một mẫu thiết kế. (Ngôi nhà chuột: Ngôi nhà toán học của Millie).</i>
Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	
MT42: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân. Thông qua Phần mềm KIDS MART	- Phía trên- phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải- tay trái của bản thân - <i>Sử dụng các phương hướng chính bằng cách điều khiển chú kiến háu ăn sang trái, phải, về trước hoặc tiến sang phía nam, bắc, đông, tây (Ngôi nhà không gian và thời gian của TRUDY Truy tìm hạt mút đậu)</i>
Khám phá xã hội	
Nhận biết bản thân gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	
MT43: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính sở thích của bản thân - <i>Được yêu thương, chăm sóc, bảo vệ và giúp đỡ.</i> - <i>Cơ thể mỗi người cần được tôn trọng kể cả người khuyết tật.</i> - <i>Quyền của mỗi người trong việc quyết định ai được phép chạm vào cơ thể của mình và ai không được phép.</i>
MT44: Trẻ nói được tên, của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố, mẹ, những người thân trong gia đình.
MT45: Trẻ biết được tên địa chỉ của gia đình khi được hỏi,	- Tên, công việc của một nghề quen thuộc

trò chuyện, xem ảnh về gia đình	
MT46: Trẻ nói được tên lớp/ tên trường, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo .- Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường
<i>Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</i>	
MT47: Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh	- Tên, sản phẩm ích lợi của của một số nghề phổ biến
<i>Nhận biết một số lễ hội danh lam thắng cảnh</i>	
MT48: Trẻ có thể kể tên một số lễ hội : Ngày khai giảng, tết Trung thu, lễ hội đình chùa ...qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Tên gọi, ý nghĩa một số ngày lễ hội trong năm
MT49: Trẻ có thể tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.	- Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
<i>Nghe hiểu lời nói</i>	
MT50: Trẻ thực hiện yêu cầu đơn giản, Ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”	- <i>Nghe chăm chú, tích cực, hợp tác và phản hồi khi nghe.</i> - Nghe, hiểu và làm theo 2-3 yêu cầu đơn giản
MT51: Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa quả...	- Nghe, hiểu được các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, thể hiện gần gũi, quen thuộc.
MT52: Trẻ biết lắng nghe và trả lời câu hỏi của người đối thoại.	- Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - <i>Nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói.</i>
<i>Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày</i>	
MT53: Trẻ biết nói rõ các tiếng	- Phát âm các tiếng của tiếng việt - Nói rõ ràng
MT54: Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Nghe sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động

MT55: Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng - Trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”, “Cái gì?”, “ở đâu?”, “Khi nào?” - <i>Sử dụng cách nói “có”/ “không” hoặc thể hiện thái độ qua phương tiện phi ngôn ngữ (cử chỉ, thái độ, hành vi) một cách rõ ràng nhằm bảo vệ quyền riêng.</i>
MT56: Trẻ biết kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim....	- Kể lại được sự việc
MT57: Trẻ đọc thuộc bài thơ đồng dao, ca dao	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè
MT58: Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự hướng dẫn của người lớn	- Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự hướng dẫn của giáo viên
MT59: Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Nghe sử dụng các từ biểu cảm - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe
MT60: Trẻ sử dụng được các từ: vâng ạ”..” Dạ”: “ Thưa”.. trong giao tiếp.	- Nghe sử dụng các từ biểu thị, lễ phép
MT61: Trẻ biết nói đủ nghe không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
<i>Làm quen với việc đọc và viết</i>	
MT62: Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Tiếp xúc với sách truyện - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau
MT63: Trẻ biết cầm sách để xem.	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và đọc truyện - Giữ gìn, bảo vệ sách - Được tiếp xúc với chữ, sách truyện - Làm quen với cách đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới

MT64: Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ
MT65: Trẻ thích vẽ, “viết” nghịch ngoac.	- Làm quen với cách viết tiếng việt - Hướng viết của các nét chữ
MT66: Trẻ nhận ra một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nguy hiểm, biển báo giao thông, đường dành cho người đi bộ, ...)
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
<i>Thể hiện ý thức về bản thân</i>	
MT67: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính - Một số thông tin quan trọng về bản thân <i>- Yêu thương bản thân; tự hào, trân trọng về cơ thể của mình và của người khác.</i>
MT68: Trẻ nói được điều bé thích hay không thích	- Những điều bé thích, không thích. <i>- Những hành động bảo vệ cơ thể của bản thân, của người khác.</i>
- Thể hiện sự tự tin, tự lực	
MT69: Trẻ thể hiện mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời các câu hỏi	- Tham gia các hoạt động múa hát, tập thể dục, chơi đồ chơi... cùng bạn - Trả lời câu hỏi của cô giáo
MT70: Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	- Chấp nhận sự phân công của người lớn - Thực hiện công việc đơn giản được cô giáo giao
<i>Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh</i>	
MT71: Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Một số trạng thái, cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói
MT72: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái, cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động
MT73: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ

MT74: Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
MT75: Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ)
MT76: Trẻ biết yêu mến bố mẹ, anh, chị, em ruột	- Yêu mến bố mẹ, anh, chị, em ruột
MT77: Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Có cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn) - Những hành vi đúng, sai, tốt, xấu.
MT78: Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác
MT79: Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận, <i>vui vẻ với tất cả các bạn và người khác(không kể giới tính, đặc điểm cá nhân, hoàn cảnh...)</i> - Chờ đến lượt. - <i>Cởi mở, tôn trọng, đoàn kết và trách nhiệm.</i>
Quan tâm đến môi trường	
MT80: Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ, chăm sóc cây cối, con vật.
MT81: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường không vứt rác bừa bãi.
MT82: Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra ngoài	- Tiết kiệm điện nước trong sinh hoạt
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ	
Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	
MT83: Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật

bật của các sự vật, hiện tượng.	
MT84: Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc: thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ: thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau - Có thái độ vui tươi, thích thú hoặc buồn...thể hiện tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm của bài hát, bản nhạc, thơ, ca dao, tục ngữ, hò vè
MT85: Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Thể hiện thái độ tình cảm và biết nhận xét khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các tác phẩm tạo hình
Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	
MT86: Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát, hát tự nhiên
MT87: Trẻ thực hiện vận động theo nhịp bài hát, bản nhạc(vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu của bài hát, bản nhạc. - <i>Nghe các bản nhạc nước ngoài</i>
MT88: Trẻ biết sử dụng các nguyên liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng <i>phối hợp</i> các nguyên liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.
MT89: Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. Thông qua bàn tương tác thông minh efun Table (Quả táo)	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản - Vẽ các con vật với các nét gợi ý (Trò chơi: ABC DRAW)
MT90: Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản	- Sử dụng một số kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản

MT91: Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành sản phẩm có một khối hoặc hai khối.	- Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản
MT92: Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản	- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản
MT93: Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình
<i>Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (Âm nhạc, tạo hình)</i>	
MT94: Trẻ vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.
MT95: Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích, <i>theo khả năng và sự sáng tạo của bản thân, như là một cách để thể hiện bản thân mỗi đứa trẻ</i>
MT96: Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- <i>Ý thức giữ gìn, bảo vệ, tôn trọng sản phẩm nghệ thuật.</i> - Đặt tên cho sản phẩm của mình

(2) Độ tuổi 4-5 tuổi.

MỤC TIÊU CỤ THỂ (Kết quả mong đợi)	NỘI DUNG
1. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
1.1. Phát triển vận động	
<i>Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</i>	
MT 8: Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh. <i>Tập luyện để cơ thể khỏe mạnh và có trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần.</i>	* Động tác phát triển hô hấp: + Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ. + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật. * Động tác phát triển các nhóm cơ: - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang 2

	bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu) - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng lần lượt từng chân co cao đầu gối.
Thực hiện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động	
MT 9: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi	- Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi. - Đi liền tục trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi trên ghế thể dục, đầu đội túi cát. - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m
MT 10: Trẻ biết kiểm soát được vận động : Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt zích zắc)	- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc)
MT 11: Trẻ có thể chạy nhanh chậm thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	- Chạy 15m trong khoảng 10 giây - Chạy chậm 60-80m - Chạy theo bóng và bắt bóng
MT 12: Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện vận động: Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4m - Bò đích dắc qua 5 điểm - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2 x 0,6m
MT 13: Trẻ biết phối hợp tay, chân, mắt trườn theo hướng thẳng	- Trườn theo hướng thẳng
MT 14: Trẻ biết thực hiện các vận động trèo lên xuống ghế	- Trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm - Trèo lên xuống 5 giống thang

MT 15: Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động tung, ném, chuyền, bắt bóng	- Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung bắt bóng với người đối diện - Đập và bắt bóng tại chỗ - Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay - Ném trúng đích thẳng đứng : (xa 1,5m X cao 1,2 m) - Ném trúng đích ngang (xa 2m)
MT 16: Trẻ có thể dùng sức mạnh để thực hiện các vận động bật nhảy	- Bật liên tục về phía trước, bật liên tục vào vòng - Bật xa 35 - 40 cm - Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30-35 cm) - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô - Bật qua vật cản cao 10-15cm - Nhảy lò cò 3 m
<i>Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt</i>	
MT 17: Trẻ thực hiện được các vận động Cuôn- xoay tròn cổ tay. Gập mở các ngón tay	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn nổi...
MT 18: Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số hoạt động	- Gập giấy. - Lắp ghép hình. - Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối - Xé, cắt đường thẳng - Tô, vẽ hình. - Biết tết sợi đôi - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.
1.2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
<i>Biết một số món ăn thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe</i>	

MT 19: Trẻ nhận được một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.	- Một số thực phẩm thông thường. Trẻ biết một số món ăn hàng ngày ở trường, ở gia đình. - Dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn - Được chăm sóc an toàn cả về thể chất và tinh thần quyền của trẻ đối với nhu cầu được chăm sóc chẳng hạn như ăn, ngủ... - <i>Một số thực phẩm, món ăn đặc sản của địa phương (rươi, cáy...)</i> - Các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ lượng và đủ chất - Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
MT 20: Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm	- Một số thực phẩm cùng nhóm - Thịt cá ... nhiều chất đạm - Rau quả chín có nhiều vitamin
MT 21: Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản	- Một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản - Rau luộc, nấu canh; Thịt luộc, dán, kho; Gạo nấu cơm, nấu cháo
<i>Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</i>	
MT 22: Trẻ có thể tập làm 1 số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.	- Tập đánh răng, lau mặt. Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Tự thay quần áo khi ướt, bẩn - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn
<i>Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</i>	
MT 23: Trẻ có một số thói quen, hành vi tốt trong ăn uống	- Mời cô, mời bạn trong khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ - Ăn rau và nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không ăn thức ăn có mùi ôi, hoa quả lạ... - Không tự ý uống thuốc.
MT 24: Trẻ biết một số hành vi văn minh. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....	- Thực hiện một số hành vi văn minh, lịch sự biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt
MT 25: Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định. Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, Bỏ rác đúng nơi qui định.
<i>Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</i>	

MT 26: Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn. Và phòng tránh.	- Phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Không chơi gần ao, hồ mương, bể chứa nước, - Không nghịch vật sắc nhọn - Tránh không sờ bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.
MT 27: Trẻ biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.	- Một số biểu hiện khi ốm như mệt, đau đầu, sốt, nôn mửa...và cách phòng tránh đơn giản.
MT 28: Trẻ không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép.	- Không đi theo, không nhận quà khi chưa được người thân, cô giáo cho phép
MT 29: Trẻ biết nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và biết gọi người giúp đỡ	- Gọi người lớn khi bị chảy máu, khi có người rơi xuống nước - Trẻ gọi người giúp đỡ khi đi lạc.
2. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
2.1. Khám phá khoa học	
<i>Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng</i>	
MT 30: Trẻ biết đặc điểm, tính chất của nước, tác dụng của nước với đời sống con người, con vật và cây.	- Các nguồn nước trong môi trường sống - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây - Một số đặc điểm tính chất của nước - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước
MT 31: Trẻ biết đặc điểm của không khí, ánh sáng và tác dụng của nó	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
MT 32: Trẻ biết đặc điểm tính chất của đất, đá, cát, sỏi..	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
MT 33: Trẻ biết phân biệt ngày và đêm	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm
<i>Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng và giải quyết các vấn đề đơn giản</i>	
MT 34: Trẻ nhận biết được đặc điểm của động vật. <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm Kismart phân loại con vật theo đặc điểm chung</i>	- Đặc điểm bên ngoài của con vật gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống.

	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của con vật - Phân loại con vật theo 1-2 dấu hiệu - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật gần gũi. - <i>Phân loại các bức tranh về con vật có đặc điểm chung (phần mềm Kidsmart)</i>
MT 35: Trẻ biết một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm Kidsmart khám phá đặc điểm thời tiết các mùa, con vật, cảnh vật của thiên nhiên bốn mùa Xuân- Hạ- Thu- Đông.</i>	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt con người. - <i>Các yếu tố thời tiết khác nhau (phần mềm Kidsmart)</i> - <i>Khám phá động vật, thực vật khi chúng thích ứng với sự thay đổi các mùa. (phần mềm Kidsmart)</i>
MT 36: Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét, để tìm hiểu trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau cây, hoa, quả gần gũi. <i>Phân loại theo 1-2 dấu hiệu; Biết sử dụng máy tính với phần mềm Kidsmart phân loại phân nhóm cây cối theo đặc điểm chung.</i>	- Đặc điểm bên ngoài của cây hoa quả, ích lợi và tác dụng đối với con người - Quan sát vườn cây; vườn hoa; vườn rau, công viên; -Quan sát, so sánh, phân loại một số loại cây; hoa; rau; quả... - Quan sát, theo dõi sự lớn lên của cây; Cùng cô trồng vườn, gieo hạt, tưới cây, nhổ cỏ... - Phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các loại cây, hoa, quả - Phân loại cây, hoa, quả theo 1-2 dấu hiệu - Cách chăm sóc và bảo vệ cây - <i>Phân nhóm, phân lại các loại cây/hoa/quả theo đặc điểm chung (phần mềm Kidsmart)</i>
MT 37: Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét đồ vật như kết hợp nhìn, sờ, ngửi,... để tìm hiểu đặc điểm của đồ vật. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản . <i>Trẻ biết khám phá thế giới khoa học xung quanh chúng qua Ngôi nhà khoa học của Sammy và biết thực hành phân loại, sắp xếp, quan sát, dự đoán, và xây dựng.</i>	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn * Ngôi nhà khoa học SAMMY: - Trạm phân loại: Nhận biết, phân loại các bức tranh theo đúng chủng loại với sự giúp đỡ của các thùng đựng. Nghe tên của các con vật của các con vật, cây cối và các loại

	đá. - Xưởng đồ chơi: Làm quen cách thiết kế đồ chơi và máy móc. Dựa theo bản mẫu hoặc tự thiết kế. Tô màu và in sản phẩm.
Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	
MT 38: Trẻ biết được chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể	- Chức năng của các giác quan, các bộ phận khác của cơ thể.
MT 39: Trẻ nhận biết được một số đồ dùng đồ chơi trong sinh hoạt	- Đặc điểm công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hàng ngày. - Nhận ra đặc điểm chung về công dụng, chất liệu của 1 hoặc 2 đồ dùng - Xếp những đồ dùng đó vào một nhóm và gọi tên theo công dụng hoặc chất liệu.
MT 40: Trẻ biết Phân loại đồ dùng, đồ chơi	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu như công dụng, chất liệu,... - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu..
MT 41: Nhận ra mối liên hệ đơn giản giữa sự vật, hiện tượng quen thuộc.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc
MT 42: Trẻ nhận biết được một số phương tiện giao thông	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu. - Phân biệt đèn tín hiệu khi tham gia giao thông
MT 43: Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh. Quan sát, thảo luận, dự đoán một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra	- Nêu được một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra và giải thích được dự đoán của mình. - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa
MT 44: Trẻ biết thời tiết, mùa	- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa - Thứ tự các mùa trong năm và các hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa - Quan sát, nhận xét các hiện tượng thời tiết: mưa, nắng, gió, bão...theo mùa. Quan sát bầu trời, mặt trời, mặt trăng và thảo luận - Ảnh hưởng của thời tiết, mùa đến sinh hoạt của con người.
2.2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
Nhận biết số đếm, số lượng	

MT 45: Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	- Đếm các vật ở xung quanh như các đồ dùng, đồ chơi, các cây cối, con vật,... hỏi: bao nhiêu? là số mấy?
MT 46: Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm Kismat nhận biết số, nghe, xem số và chọn số tương ứng.</i>	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Nghe, xem số và đếm số lượng tương ứng trên phần mềm Kismat - Đếm, đọc số trên phần mềm Kismat. - Tưởng tượng và đếm. Thử các thiết bị theo thứ tự khác nhau để tạo ra các kết quả khác nhau Kismat.
MT 47: Trẻ biết so sánh số lượng của 2 nhóm trong phạm vi 10.	- So sánh số lượng của 2 nhóm trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - Đếm số lượng các nhóm cây, con vật,...trong các trò chơi phần mềm Kidmarts Bảng tương tác thông minh
MT 48: Trẻ biết sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự. <i>Biết sử dụng bảng tương tác thông minh đếm nhận biết các chữ số từ 1 đến 5</i>	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5. - Tô thứ tự các chữ số theo ý thích từ 1 – 5 và tô theo yêu cầu của giáo viên.
MT 49: Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả; <i>Biết sử dụng bảng tương tác thông minh thêm bớt số lượng.</i>	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm. - Thêm bớt trong phạm vi 5 - Chữ số từ 1-5
MT 50: Trẻ có thể tập hợp số lượng, các nhóm đối tượng và đếm.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm. - Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn - Thêm đối tượng và đếm.
MT 51: Nhận biết được ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày; <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm kismart nhận biết các con số.</i>	- Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...) - Nhận diện các con số. Nhìn và nghe một dãy những con vật ngộ nghĩnh

So sánh, sắp xếp theo quy tắc	
MT 52: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại - Giúp trẻ biết cách sắp xếp theo quy tắc	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. * Trò chơi Basic Skills lite - Chọn đồ vật còn thiếu để tạo thành một quy tắc sắp xếp
Đo lường	
MT 53: Trẻ sử dụng được các dụng cụ để đo lường bằng một đơn vị đo	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.
Nhận biết hình dạng	
MT 54: Nhận biết sự giống và khác nhau của các hình, hình học. <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm kismart để nhận biết các dạng hình học</i>	- So sánh sự giống nhau và khác nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Nhận biết/ xác định mẫu hình. Tạo và hoàn thành các mẫu hình đã được xem và nghe (phần mềm Kismart)
MT 55: Trẻ sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản. <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm kismart di chuyển sắp xếp các hình học tạo thành hình mới</i>	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản - Xác định và chọn hình, thiết lập trên khoảng trống hoặc theo một mẫu thiết kế (phần mềm Kismart)
Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	
MT 56: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm kismart xác định các phương hướng trong không gian .</i>	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái). - Xác định các phương hướng chính: trái, phải, trước, phía nam, bắc, đông, tây(phần mềm Kismart) - Khám phá mối quan hệ giữa trái đất, quả địa cầu và bản đồ thế giới (phần mềm Kismart)

MT 57: Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày. <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm kidsmart khám phá, biểu tượng về thời gian.</i>	- Các buổi: sáng trưa, chiều, tối gắn với các hoạt động trong ngày. - <i>Học cách nói về thời gian trên hai loại đồng hồ bằng giờ, nửa giờ và một phần tư giờ(phần mềm Kidsmart)</i> - <i>Đặt các biểu tượng lên bản đồ hộp cát (phần mềm Kidsmart.</i> - <i>Học về đơn vị thời gian khi di chuyển tiến lùi hình minh họa bằng tháng, ngày, giờ, phút, giây (phần mềm Kidsmart).</i>
2.3 Khám phá xã hội	
<i>Nhận biết bản thân gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng</i>	
MT 58: Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. <i>Biết được các quyền, nghĩa vụ/bổn phận với bản thân với người khác</i>	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - <i>Thực hiện quyền và bổn phận của trẻ (với bản thân, với người khác).</i>
MT 59: Trẻ nói được tên, công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện - Nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, thôn, xóm khi được hỏi)	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình. - Địa chỉ gia đình: Tên xóm, thôn, xã, số nhà...của gia đình.
MT 60: Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp. tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân <i>viên</i> trong trường <i>khi được hỏi, trò chuyện.</i>	- Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.
MT 61: Trẻ nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp, các hoạt động của trẻ ở trường <i>khi được hỏi, trò chuyện</i>	- Họ tên và một vài đặc điểm, <i>sở thích</i> của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.
<i>Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</i>	
MT 62: Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi ...của một số nghề <i>khi được hỏi, trò chuyện.</i>	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, ích lợi...các hoạt động của một số nghề phổ biến,

Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh	
MT 63: Trẻ biết kể tên, nói đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ, hội của quê hương, đất nước: <i>Quê hương Đông Triều, Phường Xuân Sơn</i>	- Kể tên và nói đặc điểm nổi bật ngày lễ hội do Trường <i>Mầm non Xuân Sơn</i> tổ chức - Kể tên, đặc điểm nổi bật ngày lễ hội của địa phương <i>Phường Xuân Sơn (Đình làng Cẩm, lễ hội chùa Phúc Nghiêm, chùa Mễ Sơn...)</i>, quê hương <i>Đông Triều (Lễ Hội chùa Quỳnh Lâm, Đền Sinh, Chùa Ngọa Vân...)</i>
MT 64: Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương: <i>Quê hương Đông Triều, Phường Xuân Sơn</i>	- Kể tên và nêu đặc điểm nổi bật của một số danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước (<i>Khu di tích đồn cao Đông Triều, Khu di tích nhà Trần, ...của Đông Triều. Vinh Hạ Long của tỉnh Quảng Ninh...)</i>,
MT 65: <i>Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm nổi bật của cảnh đẹp, di tích lịch sử của đất nước Việt Nam.</i>	- Kể tên và nêu đặc điểm nổi bật của một số danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của đất nước (Hồ Gươm, Văn miếu, Quốc Tử Giám...).
3. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
3.1. Nghe và hiểu lời nói	
MT 66: Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	Nghe, hiểu lời nói và làm theo 2 - 3 yêu cầu trong giao tiếp hằng ngày
MT 67: Trẻ hiểu được nghĩa một số từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ..	- Nghe, hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: đồ dùng/thực vật/động vật.... - Nghe, hiểu nghĩa của từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ, <i>đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập, phương tiện giao thông....</i>
MT 68: Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe hiểu truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với lứa tuổi.

3.2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày	
MT 69: Nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Trả lời và đặt câu hỏi “Ai?” “Cái gì?” “Ở đâu?” “Khi nào?” - Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
MT 70: Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.... sử dụng các từ chỉ sự lễ phép.	- Nghe, sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động ... sử dụng các từ chỉ sự lễ phép
MT 71: Trẻ sử dụng được các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định	- Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp hằng ngày - Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau - Trả lời và đặt câu hỏi
MT 72: Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết theo trình tự. - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.
MT 73: Trẻ đọc thuộc một số bài thơ, ca dao, đồng dao.	- Nghe, đọc một số bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ phù hợp với độ tuổi.
MT 74: Trẻ biết kể lại chuyện có mở đầu, kết thúc <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm Happy Kid tập kể chuyện</i>	- Kể lại truyện đã được nghe - <i>Chọn nhân vật và các tình tiết cho câu chuyện, nghe câu chuyện của mình (phần mềm Happy Kid)</i>
MT 75: Trẻ bắt chước được giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện	- Nghe, sử dụng các từ biểu cảm - Đóng kịch
MT 76: Trẻ sử dụng được các từ như: “mời cô” “mời bạn” “xin phép” “thưa” “ạ” “vâng”...phù hợp với tình huống	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép
MT 77: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở. . <i>Nói lên ý kiến và tôn trọng ý kiến của người khác.</i>	- Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được, phù hợp với tình huống giao tiếp. <i>Nói lên ý kiến và tôn trọng ý kiến của người khác</i> - Điều chỉnh giọng nói phù hợp hoàn cảnh khi được nhắc nhở
3.3. Làm quen với việc đọc, viết	
MT 78: Trẻ biết chọn sách để xem	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Giữ gìn, bảo vệ sách.

MT 79: Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh và biết “đọc vẹt” theo tranh minh họa	- Làm quen với cách đọc + Hướng đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới + Đọc ngắt nghỉ sau các dấu chấm - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ * Trò chơi: Kids learn to read lite - Đọc chữ cái tiếng việt theo đường đi của con rùa - Đọc chữ cái tiếng anh theo hình ảnh
MT 80: Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.
MT 81: Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà VS, cấm lửa, nơi nguy hiểm...)	Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà VS, cấm lửa, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ....)
MT 82: Trẻ biết sử dụng ký hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm Happy Kid làm quen với cách viết tiếng Việt và cách sử dụng các câu chúc mừng.</i>	- Làm quen với cách viết tiếng Việt (hướng viết của các nét chữ: Hướng đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới) - Làm quen với công cụ viết và đưa tay tạo thành nét của chữ cái - <i>Lựa chọn từ để ghép thành câu chúc mừng theo gợi ý, sắp xếp các hình ảnh trang trí bưu thiếp theo chủ đề (phần mềm Happykid)</i>
MT 83: Nhận dạng một số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt. <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm Happykid nhận dạng, đọc 29 chữ cái tiếng Việt</i>	Nhận dạng và phát âm một số chữ cái đơn giản: Trẻ làm quen với ½ số chữ cái trong bảng chữ cái (10 -15 chữ cái đầu). - <i>Nhận dạng và phát âm đúng (10 -15 chữ cái đầu) chữ cái tiếng Việt bằng cách nghe phát âm và thông qua những hình ảnh minh họa. Tô màu các chữ cái (phần mềm Happykid)</i> - <i>Biết cách phân biệt các chữ cái theo nhóm(phần mềm Happykid)</i>

MT 84: Trẻ biết tập tô, tập đồ các nét chữ. <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm Happykid và bảng tương tác thông minh nhận biết chữ cái in hoa, in thường, tô các chữ cái tiếng Việt</i>	- Tập tô, tập đồ các nét chữ. Làm quen với hướng viết các nét chữ. - Làm quen với cách viết tiếng việt (hướng viết của các nét chữ: Hướng viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới) - <i>Tô các nét chữ của chữ cái tiếng Việt với âm thanh hình ảnh tương ứng (phần mềm Happykid</i> - <i>Trẻ tìm chữ cái in hoa, in thường và đọc. Tìm chữ cái theo yêu cầu. Tô màu chữ cái xuất hiện trên màn hình (phần mềm Happykid.</i>
4. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
4.1. Phát triển tình cảm	
<i>Ý thức về bản thân</i>	
MT 85 : Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân tên bố, mẹ. <i>Biết yêu thương bản thân, tự hào, trân trọng về cơ thể của mình và của người khác</i> - <i>Hành động bảo vệ cơ thể của bản thân, của người khác</i>	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Nói được tên bố mẹ. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - <i>Yêu thương bản thân, tự hào, trân trọng về cơ thể của mình và của người khác</i> - <i>Hành động bảo vệ cơ thể của bản thân, của người khác.</i>
MT 86: Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	- Sở thích, khả năng của bản thân - <i>Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến</i>
<i>Thể hiện sự tự tin, tự lực</i>	
MT 87: Trẻ biết tự chọn đồ chơi và chơi theo ý thích	- Chọn các trò chơi, đồ chơi mà trẻ thích để chơi
MT 88: Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (Trục nhật, dọn đồ chơi)	- Biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn - Hoàn thành công việc được cô giáo giao - <i>Trẻ có thể tự mặc áo quần đơn giản.</i> - <i>Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.</i>
<i>Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh</i>	
MT 89: Trẻ nhận biết cảm xúc, vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc	- Một số trạng thái cảm xúc :vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên... qua nét mặt, cử

nhiên	chỉ, giọng nói, âm thanh, tranh ảnh.
MT 90: Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình.
MT 91: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ	- Bác Hồ là vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc - Lăng Bác ở Thủ đô Hà Nội - Video, phim tài liệu về Bác Hồ
MT 92: Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ, thể hiện tình cảm yêu quý, kính trọng Bác Hồ qua các bài hát, câu chuyện, bài thơ... về Bác
MT 93: Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương <i>Đông Triều như : chùa Quỳnh Lâm, Khu di tích nhà Trần, Chùa Ngọa Vân...</i> - Quan tâm đến di tích lịch sử, <i>danh lam thắng cảnh tỉnh Quảng Ninh như: Vịnh Hạ Long, biển đảo....</i> , cảnh đẹp, lễ hội của <i>địa phương</i> , quê hương, đất nước
4.2. Phát triển kỹ năng xã hội	
<i>Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội</i>	
MT 94 : Trẻ thực hiện một số qui định ở lớp, gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông và bố mẹ.	- Một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; Trật tự khi ăn, khi ngủ; Đi bên phải lề đường).
MT 95: Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
MT 96: Trẻ biết yêu mến, quan tâm, người thân trong gia đình. Biết quan tâm giúp đỡ bạn bè.	- Quan tâm, yêu mến người thân trong gia đình. - Quan tâm, giúp đỡ bạn bè.
MT 97: Trẻ tập trung chú ý khi nghe cô, bạn nói	- Lắng nghe ý kiến của người khác
MT 98: Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Chờ đến lượt hợp tác
MT 99: Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện	- Quan tâm giúp đỡ bạn

hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	
MT 100: Trẻ biết phân biệt hành vi ‘Đúng - sai’ ; ‘ Tốt- xấu’	- Phân biệt hành vi ‘Đúng - sai’ ; ‘ Tốt- xấu’ <i>- Một số cách xử lý khi bị đi lạc</i>
Quan tâm đến môi trường	
MT 101: Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc	- Chăm sóc con vật và cây cối
MT 102: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường chung, trong lớp, ngoài lớp, nơi công cộng
MT 103: Trẻ không bẻ cành, bứt hoa	- Bảo vệ chăm sóc cây cối
MT 104: Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện nước trong sinh hoạt, tắt quạt, bóng điện, vòi nước khi không sử dụng.
5. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	
5.1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	
MT 105: Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp trước vẻ trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng xung quanh qua các tác phẩm nghệ thuật.
MT 106: Trẻ chú ý nghe, thích thú (Hát vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc ; Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ ; Thích nghe và kể câu chuyện	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (Nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca) - Có thái độ vui tươi, hồ hởi, thích thú hoặc buồn bã....., thể hiện tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc
MT 107: Trẻ thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình(về màu sắc, hình dáng,,,) của các tác phẩm tạo hình	- Thể hiện thái độ, tình cảm và biết nhận xét khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật <i>- Bộc lộ cảm xúc, thái độ chân thực trước cái đẹp và sản phẩm nghệ thuật.</i>
5.2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	
MT 108: Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt , điệu bộ... <i>- Biết sử dụng máy tính với phần</i>	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. <i>- Sáng tạo, phân biệt âm thanh và ghi nhớ</i>

<i>mềm kidsmart chơi với các trò chơi âm nhạc</i>	<i>khi sáng tác hoặc nhắc lại các mẫu âm thanh với các công cụ khác nhau</i> <i>- Phân biệt cao độ của âm thanh, ghi nhớ khi sáng tác hoặc nhắc lại các mẫu âm thanh với các cao độ khác nhau</i> <i>- Phối hợp âm nhạc, thao tác với các chuyển động và ảo giác về chiều sâu - Khám phá các quan hệ về không gian. Xử lý các chuyển động khi điều khiển chuyển động của các hình âm thanh tạo ra</i>
MT 109: Trẻ biết thực hiện vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức khác nhau	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo hách, nhịp, tiết tấu - Nghe các bản nhạc thiếu nhi, dân ca, <i>nhạc nước ngoài...</i>
MT 110: Trẻ biết <i>lựa chọn</i> phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	- <i>Lựa chọn</i>, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm <i>- Sử dụng kỹ năng tô màu để tạo ra sản phẩm có nhiều màu sắc</i>
MT 111: Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục <i>- Biết sử dụng bảng tương tác thông minh tô các nét gợi ý tạo thành con vật, vẽ theo ý thích hoặc theo yêu cầu của giáo viên.</i>	- Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc và bố cục, đường nét <i>- Tô các nét gợi ý của chữ cái để tạo thành hình các con vật. Dùng tay để vẽ theo ý thích hoặc theo yêu cầu của giáo viên</i>
MT 112: Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc bố cục	- Sử dụng các kỹ năng xé, cắt, dán để tạo ra sản phẩm
MT 113: Trẻ biết cách làm lồm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết	- Sử dụng các kỹ năng nhào đất, nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dạng

MT 114: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau	- Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng
MT 115: Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc hình dáng/ đường nét.
5.3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	
MT 116 : Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc <i>- Tự do sáng tạo của trẻ khi tham gia vào hoạt động, thể hiện sở thích và sáng kiến của riêng trẻ.</i>	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc - Vận động nhịp nhàng theo giai đoạn điệu, nhịp điệu bài hát của các bài hát, bản nhạc - <i>Tự do sáng tạo của trẻ khi tham gia vào hoạt động, thể hiện sở thích và sáng kiến của riêng trẻ.</i>
MT 117: Biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo theo nhịp điệu bài hát
MT 118: Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích <i>-Trẻ có ý thức giữ gìn, bảo vệ tôn trọng sản phẩm nghệ thuật</i>	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - <i>ý thức giữ gìn, bảo vệ tôn trọng sản phẩm nghệ thuật</i>
MT 119: Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình

(3) Độ tuổi 5 - 6 tuổi.

MỤC TIÊU CỤ THỂ (Kết quả mong đợi)	NỘI DUNG GIÁO DỤC
1. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
1.1. Phát triển vận động	
<i>Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</i>	
MT 8: Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh	- Các động tác phát triển hô hấp: + Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ.

hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	+ Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật.(Người hoa, thổi nơ, thổi bóng...) - <i>Động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai:</i> + Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) + Co và duỗi từng tay, kết hợp với kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao + Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay; gập mở lần lượt từng ngón tay - <i>Động tác phát triển cơ bụng, lưng, lườn:</i> + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp với tay chống hông hoặc hai tay giang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp với tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - <i>Động tác phát triển cơ chân:</i> + Đưa chân ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.
Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động	
MT 9: Trẻ biết thực hiện phối hợp các kỹ năng trong vận động bật.	- Bật liên tục vào vòng; Bật tách khếp chân qua 7 ô; Bật qua vật cản cao 15- 20 cm. Bật xa 50 cm.
MT 10: Trẻ có thể nhảy xuống từ độ cao 40 cm.	- Bật - nhảy từ trên cao xuống (40- 45cm) ; Bật sâu 40 cm
MT 11: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận ném	- Ném trúng đích nằm ngang; đích thẳng đứng. Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.
MT 12: Trẻ phối hợp các bộ phận của cơ thể để thực hiện vận động trèo/trườn.	- Trèo lên xuống 7 giống thang; Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất. - Trườn sấp kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30 cm

MT 13: Trẻ có thể: Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.	- Nhảy lò cò 5m; Nhảy lò cò 7 - 10 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu
MT 14: Trẻ biết: Đập và bắt bóng bằng 2 tay.	- Đập và bắt bóng bằng 2 tay ; Đi và đập bắt bóng bằng 2 tay.
MT 15: Trẻ biết: Đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m).	- Đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) đầu đội túi cát ; Đi trên dây (dây đặt trên sàn) ;
MT 16: Trẻ có thể: Chạy 18m trong khoảng thời gian 5 -7 s	- Chạy 18m trong khoảng thời gian 7-10 giây.
MT 17: Trẻ có thể chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian.	- Chạy chậm 150 m.
MT 18: Trẻ có thể: Tham gia các hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút đến 40 phút .	- Tham gia các hoạt động học tập nhiệt tình, hưởng ứng tích cực, vận động thoải mái, tập chung chú ý vào sự hướng dẫn của giáo viên không có dấu hiệu mệt mỏi trong khoảng 30 phút đến 40 phút ..
MT 19: Trẻ biết phối hợp tay mắt, thể hiện sự nhanh nhẹn, khéo léo trong thực hiện vận động bò.	- Bò đích dắc qua 7 điểm; Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5 m - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6 m
MT 20: Trẻ biết giữ thăng bằng khi đi lên, xuống ván kê dốc (2m x 0,3 m)	- Đi trên ván dốc; Đi lên, xuống ván kê dốc (2m x 0,3 m)
MT 21; Trẻ giữ thăng bằng cơ thể, có khả năng kiểm soát vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (Đổi hướng ít nhất 3 lần)	- Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối, - Đi nổi bàn chân tiến, lùi - Đi, chạy thay đổi hướng tốc độ, hướng đích dắc theo hiệu lệnh - Chạy vượt qua chướng ngại vật
MT 22: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động động tung, chuyền	- Tung bóng lên cao và bắt - Tung, đập bóng tại chỗ, đi và đập bắt bóng - Ném xa, Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay - Chuyền bắt bóng qua đầu và chân
MT 23: Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	- Thực hiện hai vận động cơ bản liên tục, theo khả năng, theo yêu cầu:

<i>Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt và sử dụng một số đồ dùng dụng cụ</i>	
MT 24: Trẻ biết tô màu kín, không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ	- Tô màu không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ - Tô đồ theo nét
MT 25: Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình	- Cắt rời được hình không bị rách - Đường cắt luôn sát theo nét vẽ
MT 26: Dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhăn.	- Dán các hình học, con vật, thực vật,... vào đúng vị trí cho trước không bị nhăn.
MT 27: Trẻ phối hợp được bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động.	- Vẽ hình sao chép các chữ cái, chữ số. - Bẻ, nắn. - Lắp ráp. - Xếp chồng các khối
1.2. Giáo dục dinh dưỡng sức khỏe	
<i>Biết một số món ăn thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe</i>	
MT 28: Trẻ kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày.	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm - Các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ lượng, đủ chất; - <i>Giới thiệu các món ăn của gia đình.</i> - <i>Các món ăn đặc sản của địa phương</i>
MT 29: Trẻ biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.	- Một số loại thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn thức uống. - Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; Thịt có thể luộc, rán, kho; Gạo nấu cơm, nấu cháo. - Ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe. - Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì,...), biết các thức ăn không có lợi cho sức khỏe.

Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	
MT 30: Trẻ biết tự mặc và cởi được quần áo.	- Cài, cởi cúc, kéo khoá (phéch mơ tuya), khâu, luồn, buộc giây.
MT 31: Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, và sau khi đi vệ sinh và khi tay	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh tay, chân trước và sau khi ăn. - Tự rửa tay sạch bằng xà phòng (Rửa tay
MT 32: Trẻ biết tự rửa mặt, chải răng hàng ngày.	- Tập luyện kỹ năng đánh răng, lau mặt hàng ngày.
MT 33: Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng.	- Tự chải đầu, giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch sẽ, không bôi bẩn vào quần áo. <i>Tự thay quần áo khi bị ướt bẩn và để vào nơi quy định.</i>
MT 34: Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	- Các loại cử động của bàn tay, ngón tay và cổ tay - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.
MT 35: Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội, giặt nước cho sạch	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.
Có một số hành vi thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	
MT 36: Biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.	- Một số hành động văn minh, lịch sự biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp
MT 37: Biết và không ăn, uống một số thức ăn có hại cho cơ thể.	- Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật. (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - Kể tên một số đồ ăn, đồ uống không tốt cho sức khỏe
MT 38: Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh, <i>một số dịch bệnh thường gặp.</i>	- Luyện tập một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe, <i>thực hiện tốt thói quen an toàn cá nhân</i> - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết - Một số biểu hiện khi ốm (<i>Covid- 19, Cúm A, B, đau mắt đỏ, sốt xuất huyết, bệnh tay chân miệng,...</i>), và cách phòng tránh

<i>Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</i>	
MT 39: Trẻ không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm.	- Những nơi nguy hiểm như ao, hồ, sông, suối, ổ điện, khu vực bếp ga.... những nơi không an toàn và cách phòng tránh, phân biệt được nơi bẩn, sạch và mất vệ sinh như khu rác thải... chơi ở nơi sạch và an toàn
MT 40: Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.	- Những hành động nguy hiểm như sử dụng những vật sắc nhọn đánh nhau, cào, cứa bạn...., những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng như dao, kéo ; những mảnh cốc thủy tinh , mảnh gương bị vỡ....
MT 41: Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm.	- Nhận ra một số việc làm có thể gây nguy hiểm đối với bản thân và người xung quanh. - Biết một số việc làm có thể gây nguy hiểm như đánh nhau, tắm sông, hồ, cắm ổ điện, sờ vào đường dây điện, chơi gần khu vực bếp ga, nghịch dao, kéo... và không làm những việc gây nguy hiểm đó. - Trẻ thực hành thói quen tốt liên quan đến an toàn của bản thân và cho người khác. <i>- Học cách không tự ý xâm phạm đến cơ thể của người khác</i>
MT 42: Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.	- Tránh một số trường hợp không an toàn + Khi người lạ bế ẵm, cho bánh kẹo, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn cô giáo. - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã, chảy máu, ... - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.

MT 43: Biết thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.	- Thực hiện một số quy định ở trường, lớp, nơi công cộng. - <i>Sự nguy hiểm/hậu quả khi không tuân thủ quy định về giao thông.</i> + <i>Không tự ý tham gia giao thông khi không có người lớn.</i> + <i>Không chơi ở lòng đường và vỉa hè.</i> + <i>Không tự ý đi lại, nô đùa, chạy nhảy... khi ngồi trên các phương tiện giao thông.</i>
MT 44: Trẻ biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.	- Tác hại thông thường của hút thuốc lá hoặc người phải khói thuốc lá.
2. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
2.1. Khám phá khoa học	
<i>Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng</i>	
MT 45: Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét..... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - <i>Đặc điểm khác nhau của bạn trai và bạn gái, các khả năng, nhu cầu giống nhau của bạn trai, bạn gái. Ứng xử công bằng.</i> - <i>Khu vực (vùng riêng tư) mà không ai được phép xâm phạm</i> - <i>Các màu cơ bản, hình dạng, kích thước, các bộ phận cơ thể, mô tả về bộ phận con người.(phần mềm Kidsmart)</i> - <i>Tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu.</i> - <i>Hiểu được các chức năng của các phương tiện và luật lệ giao thông.</i> - <i>Nơi hoạt động của các phương tiện giao thông.</i> - <i>So sánh, phân loại phương tiện giao thông theo nơi hoạt động.</i> - <i>Sự khác nhau giữa ban ngày và ban đêm; biết mặt trời xuất hiện vào ban ngày, mặt</i>

	trăng xuất hiện vào ban đêm. - Các nguồn nước trong môi trường sống. Một số đặc điểm, tính chất của nước. Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Ích lợi và bảo vệ các nguồn tài nguyên quý như: Đất, cát, đá, sỏi. - Giữ vệ sinh trong và sau khi được tiếp xúc với đất, đá, sỏi, cát
MT 46: Trẻ biết đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi quen thuộc. Trẻ biết phân loại một số đồ dùng thông thường theo chất liệu công dụng	- Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi. - Một số mối liên đơn giản giữ cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.
MT 47: Trẻ gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung <i>- Biết sử dụng máy tính với phần mềm Kidsmart phân loại, phân nhóm con vật, cây cối theo đặc điểm chung</i>	- So sánh sự khác và giống nhau của một số con vật - Phân loại con vật theo 2 - 3 dấu hiệu. - Đặt tên cho nhóm những con vật bằng những từ khái quát. - Gọi tên các con vật gần gũi xung quanh. Tìm được đặc điểm chung, ích lợi của 3 hoặc 4 con vật. - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật - So sánh sự khác và giống nhau của một số cây, hoa, quả, rau. - Phân loại cây, hoa quả theo 2 - 3 dấu hiệu. - Đặt tên cho nhóm những cây/ hoa quả bằng những từ khái quát. - Gọi tên các con cây gần gũi xung quanh. Tìm được đặc điểm chung, ích lợi của 3 hoặc

	4 cây/hoa quả. - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của cây, hoa, quả, rau. - Quá trình phát triển của con vật, điều kiện sống của của chúng. + Gọi tên cho từng giai đoạn phát triển của con vật thể hiện trên tranh ảnh (hình ảnh). + Nhận ra sự sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển. + Cách chăm sóc và bảo vệ con vật. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật và môi trường sống gắn với các hiện tượng tự nhiên. - <i>Khám phá động vật khi chúng thích ứng với sự thay đổi các mùa. Phân loại các bức tranh theo đúng chủng loại.</i> - <i>Sắp xếp các bức tranh theo đúng thứ tự để tạo một bộ phim.</i> - Quá trình phát triển của cây, điều kiện sống của của một số loại cây. + Gọi tên cho từng giai đoạn phát triển của cây/ hoa quả thể hiện trên tranh, ảnh + Nhận ra sự sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển. + Cách chăm sóc và bảo vệ cây. - Quan sát phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây cối và môi trường sống gắn với các hiện tượng tự nhiên. - <i>Khám phá thực vật khi chúng thích ứng với sự thay đổi các mùa. Phân loại các bức tranh theo đúng chủng loại.</i> - <i>Sắp xếp các bức tranh theo đúng thứ tự để tạo một bộ phim.</i>
--	---

MT 48: Trẻ nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây cối, con vật và một số hiện tượng tự nhiên

Biết sử dụng máy tính với phần mềm Kidsmart phân loại, sắp xếp, quan sát, dự đoán và xây dựng trò chơi về con vật, cây cối...

- Quá trình phát triển của con vật, điều kiện sống của chúng.

+ Gọi tên cho từng giai đoạn phát triển của con vật thể hiện trên tranh ảnh (hình ảnh).

+ Nhận ra sự sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển.

+ Cách chăm sóc và bảo vệ con vật.

- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật và môi trường sống gắn với các hiện tượng tự nhiên.

- Khám phá động vật khi chúng thích ứng với sự thay đổi các mùa. Phân loại các bức tranh theo đúng chủng loại.

- Sắp xếp các bức tranh theo đúng thứ tự để tạo một bộ phim.

- Quá trình phát triển của cây, điều kiện sống của một số loại cây.

+ Gọi tên cho từng giai đoạn phát triển của cây/ hoa quả thể hiện trên tranh, ảnh + Nhận ra sự sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển.

+ Cách chăm sóc và bảo vệ cây.

- Quan sát phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây cối và môi trường sống gắn với các hiện tượng tự nhiên.

- Khám phá thực vật khi chúng thích ứng với sự thay đổi các mùa. Phân loại các bức tranh theo đúng chủng loại.

- Sắp xếp các bức tranh theo đúng thứ tự để tạo một bộ phim.

MT 49: Trẻ nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ đang sống.

(CS 94); *Biết sử dụng máy tính với phần mềm Kidsmart khám phá thời tiết, con vật, cảnh vật của thiên nhiên bốn mùa Xuân- hạ- Thu- Đông*

- Gọi tên và nêu đặc điểm đặc trưng của các mùa trong năm.

- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa, thứ tự các mùa.

- So sánh được sự giống và khác nhau giữa các mùa.

- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.

- Biết lựa chọn trang phục theo mùa cho phù

	hợp. <i>- Các yếu tố thời tiết khác nhau</i> <i>- Khám phá động vật, thực vật khi chúng thích ứng với sự thay đổi các mùa. (phần mềm Kidsmart).</i>
Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	
MT 50: Trẻ có thể dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.	- Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra và giải thích được dự đoán của mình. (Mưa, nắng, gió, bão, lũ lụt, hạn hán...) - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa
MT 51: Trẻ giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.	- Phát hiện ra hiện tượng và nêu được nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó. - Trẻ giải thích được câu hỏi bằng mẫu câu: "Tại vì.....nên..." nêu được nguyên nhân dẫn đến sự việc. - Thí nghiệm, thực nghiệm về sự vật hiện tượng xung quanh như; vật chìm nổi, sự luân chuyển của nước, không khí...
MT 52: Trẻ hay đặt câu hỏi.	- Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng tự nhiên xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “Tại sao có mưa”... - Hay đặt câu hỏi để tìm hiểu hoặc làm rõ thông tin. - Mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “ Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”. - Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau
MT 53: Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình;	- Các trò chơi đóng vai theo chủ đề, bắt chước mô phỏng động tác của các con vật - Hát vận động các bài hát về cây, con vật.. - Vẽ, xé, nặn các con vật, đồ vật... phương tiện giao thông...
2.2. Khám phá xã hội	
Nhận biết bản thân gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	

MT 54: Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi trò chuyện. <i>Biết được các quyền, nghĩa vụ/bổn phận với bản thân với người khác</i>	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - <i>Thực hiện quyền và bổn phận của trẻ (với bản thân, với người khác).</i>
MT 55: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ ; Sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (Gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu gia đình. - <i>Tất cả mọi người đều quan trọng có quyền đối xử một cách tôn trọng, đều được yêu thương, chăm sóc, bảo vệ và giúp đỡ.</i>
MT 56: Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố, thôn, xóm) số điện thoại(nếu có)... khi được hỏi trò chuyện	- Địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố, thôn, xóm) số điện thoại của bố (mẹ)
MT 57: Trẻ nhận biết được những đặc điểm nổi bật của trường, lớp, các bạn, cô giáo, trường/ lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của các bạn trong lớp, <i>cơ thể mỗi người cần được tôn trọng</i>; các hoạt động của trẻ ở trường. - Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp; Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.
MT 58: Trẻ thích khám phá các sự vật và hiện tượng xung quanh.	- Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới, thể hiện ý thích khám phá của riêng mình như ; thích búp bê, ô tô...)
MT 59: Trẻ có thể kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống	- Kể tên, địa chỉ, một số đặc điểm nổi bật của những địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống: trường học/nơi mua sắm, khám bệnh, công viên...khi được hỏi, trò chuyện.
<i>Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</i>	
MT 60: Trẻ có thể kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống. Nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm của nghề, các hoạt động và ý nghĩa các nghề phổ biến.

MT 61: Trẻ biết tên gọi, đặc điểm nổi bật của một số nghề truyền thống của quê hương Đông Triều.	- Tên gọi, đặc điểm nổi bật, ích lợi của một số nghề truyền thống của quê hương Đông Triều.
Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh	
MT 62: Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về các hoạt động nổi bật của lễ hội của quê hương, đất nước: <i>Quê hương Đông Triều, Phường Xuân Sơn</i> .	- Đặc điểm nổi bật của ngày lễ, hội do Trường Mầm non Xuân Sơn tổ chức - Kể tên, đặc điểm nổi bật ngày lễ hội của địa phương Phường Xuân Sơn (Đình làng Cẩm, lễ hội chùa Phúc Nghiêm, chùa Mễ Sơn...) , quê hương Đông Triều (Lễ Hội chùa Quỳnh Lâm, Đền Sinh, Chùa Ngọa Vân...)
MT 63: Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương: <i>Quê hương Đông Triều, Quảng Ninh</i>	- Kể tên và nêu đặc điểm nổi bật của một số danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước (Khu di tích đồn cao đông Triều, Khu di tích nhà Trần, ...của Đông Triều. Vinh Hạ Long của tỉnh Quảng Ninh...),
MT 64: Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước Việt Nam	- Kể tên và nêu đặc điểm nổi bật của một số danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của đất nước (Hồ Gươm, Văn miếu, Quốc Tử Giám...).
2.3. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm	
MT 65: Trẻ có thể nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10. <i>Biết chơi với phần mềm kidsmart, bức tương tác thông minh đếm, nhận biết chữ số, số lượng, so sánh các nhóm đối tượng.</i>	- Đếm trong phạm vi 10, đếm theo khả năng, - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 nhận biết chữ số trong phạm vi 10; <i>Tô thứ tự các chữ số theo ý thích từ 1-10.</i> - <i>Ghép thành cặp các đối tượng có mối liên quan.</i> - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, số điện thoại, biển số xe, ..) - So sánh số lượng của các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.

MT 66: Trẻ biết tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm. Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm	- Tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm - Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm
MT 67: Trẻ biết loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.	- Phát hiện được đối tượng không cùng nhóm với những đối tượng còn lại và loại được chúng ra khỏi nhóm.
So sánh sắp xếp theo quy tắc	
MT 68: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc; <i>Biết chơi với phần mềm kidsmart, bảng tương tác thông minh sắp xếp theo quy tắc, sắp xếp các số theo thứ tự.</i>	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp. - Nói lý do tại sao lại sắp xếp như vậy. - <i>So sánh lớn hơn, nhỏ hơn hoặc bằng đồ vật xuất hiện tương ứng trên màn hình (Phần mềm kidmart:</i> - <i>Chọn đồ vật còn thiếu để tạo thành một quy tắc sắp xếp (Bàn tương tác)</i>
Đo lường	
MT 69: Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo. <i>Biết so sánh 3 đối tượng về kích thước và nói được kết quả</i>	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo + Chọn được dụng cụ làm thước đo. + Đặt thước đo liên tiếp. + Nói đúng kết quả đo.
MT 70: Trẻ biết sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả	- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo + Chọn dụng cụ để đo, đong. + Múc đầy dụng cụ đo. + Đổ vào đối tượng cần đo. Nói đúng kết quả đo.
Nhận biết hình dạng	
MT 71: Trẻ gọi tên và chỉ ra được các điểm giống, khác nhau giữa hai khối: khối cầu và khối vuông, khối trụ và khối chữ nhật.	- Khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.

MT 72: Trẻ biết chấp ghép các hình hình học và tạo ra một số hình học bằng các cách khác nhau; <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm Kidsmat, bảng tương tác thông minh nhận biết các dạng hình, di chuyển sắp xếp các hình học tạo thành hình mới</i>	- Chấp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình học bằng các cách khác nhau. - <i>Xác định và chọn hình, thiết lập trên khoảng trống hoặc theo một mẫu thiết kế.</i> - <i>Nhận biết/ xác định mẫu hình. Tạo và hoàn thành các mẫu hình đã được xem và nghe</i>
Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	
MT 73: Trẻ có thể xác định vị trí (trong, ngoài, trên dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác. <i>Trẻ biết sử dụng phần mềm kidsmat để định hướng về không gian, thời gian để đưa ra những lựa chọn phù hợp với yêu cầu trò chơi.</i>	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước- phía sau ; phía trên - phía dưới ; phía phải - phía trái.) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. - <i>Thực hành định hướng về không gian, thời gian để đưa ra những lựa chọn phù hợp với yêu cầu của trò chơi trên phần mềm kidsmat (Ngôi nhà không gian và thời gian của Truddy).</i>
MT 74: Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự.	- Gọi tên các thứ trong tuần
MT 75: Trẻ phân biệt được ngày hôm qua, ngày mai qua sự kiện hàng ngày.	- Hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày trẻ được đến lớp, đi chơi, du lịch.... - Công việc của ngày hôm qua, hôm nay và dự định ngày mai.
MT 76: Trẻ nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.	- Các ngày trong tuần - Giờ trên đồng hồ.
3. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
3.1. Nghe hiểu lời nói	
MT 77: Trẻ nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2 - 3 hành động.	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Hiểu và thực hiện được những lời nói và chỉ dẫn của giáo viên. - Biểu hiện sự cố gắng quan sát, nghe và thực hiện các quy định chung trong chế độ sinh hoạt của lớp (giơ tay khi muốn nói, chờ đến lượt, trả lời câu hỏi, chăm chú lắng nghe...)

MT 78: Trẻ hiểu một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.	- Hiểu và nói được các từ khái quát, từ trái nghĩa chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi sau khi được xem tranh, vật thật, mô hình... - Giải nghĩa được một số từ với sự giúp đỡ của người khác
MT 79: Trẻ có khả năng nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi.	- Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi của người khác và biết sử dụng sắc thái đó vào lời nói của bản thân. - Nhận ra đặc điểm tính cách của nhân vật qua sắc thái ngữ điệu, lời nói của các nhân vật trong các câu chuyện.
MT 80: Trẻ nghe hiểu nội dung truyện, thơ, đồng dao ca dao phù hợp với độ tuổi.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đối, hò, vè phù hợp với độ tuổi
MT 81: Trẻ biết chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp.	- Chăm chú lắng nghe người khác nói, nhìn vào mắt khi giao tiếp. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại, tích cực hợp tác và phản hồi khi nghe - Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, ánh mắt phù hợp. - Lắng nghe người kể một cách chăm chú, phản ứng lại bằng những hành động thân thiện. Giơ tay khi muốn nói.
3.2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	
MT 82: Trẻ biết nói rõ ràng.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu - Kể rõ ràng, có trình tự về sự vật hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được - Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?.
MT 83: Trẻ biết sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày.	- Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh
MT 84: Trẻ biết sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp.	- Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh.... - Sử dụng những từ thông dụng và các loại câu đơn, câu mở rộng để diễn đạt ý.

MT 85: Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. - Sử dụng ngôn ngữ tự diễn đạt cảm xúc của bản thân. - <i>Được bày tỏ ý kiến theo cách hiểu của trẻ, sử dụng từ ngữ theo văn hóa của dân tộc hoặc của gia đình trẻ.</i>
MT 86: Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động.	- Sử dụng lời nói để trao đổi những nhu cầu cần thiết trong cuộc sống và chỉ dẫn bạn bè trong các hoạt động.
MT 87: Trẻ biết chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp	- Chăm chú nghe người khác nói, nhìn vào mắt khi giao tiếp. - Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ điệu bộ, nét mặt. - Lắng nghe người kể một cách chăm chú, phản ứng lại bằng những hành động thân thiện. Giơ tay khi muốn nói
MT 88: Trẻ biết sử dụng các từ: chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống.	- Sử dụng một số từ trong câu xã giao đơn giản để giao tiếp với bạn bè và người lớn. (Tạm biệt, xin chào...) - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng
MT 89: Trẻ có thể kể lại một hiện tượng, một sự kiện nào đó để người khác nghe hiểu được.	- Miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc, hiện tượng nào đó theo trình tự logic nhất định - Kể một câu chuyện về sự việc đã xảy ra gần gũi xung quanh...
MT 90: Trẻ có thể kể lại nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định. - <i>Trẻ có thể kể chuyện sáng tạo, biết đặt tên chuyện</i> <i>Biết sử dụng phần mềm kidsmart để thiết kế, sáng tạo, đặt tên cho câu chuyện.</i>	- Kể lại truyện đã nghe theo trình tự - <i>Kể chuyện sáng tạo theo tranh, theo đồ vật....</i> - <i>Kể tiếp diễn biến chuyện và kết thúc chuyện</i> - <i>Trẻ thiết kế và kể truyện sáng tạo qua căn phòng Happy kid</i>
MT 91: Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện	- Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với mọi người - Sẵn sàng bắt đầu nói chuyện với người khác - Cách khởi xướng cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau - Sử dụng ngôn ngữ nói để thiết lập mối quan hệ và hợp tác với bạn bè.

MT 92: Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp,	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
MT 93: Trẻ biết hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói	- Có hành vi văn minh, lịch sự trong giao tiếp, hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói
MT 94: Trẻ biết kể chuyện theo tranh.	- Kể truyện theo đồ vật, theo tranh
MT 95: Trẻ có thể kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác nhau.	- Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.
MT 96: Trẻ đóng được vai các nhân vật trong truyện	- Đóng kịch
MT 97: Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, bài ca dao	- Đọc thơ, ca dao
<i>Làm quen với việc đọc và viết</i>	
MT 98: Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh.	- Thích đọc những chữ cái đã biết trong bảng chữ cái ở môi trường xung quanh.
MT 99: Trẻ thể hiện sự thích thú với sách	- Xem sách và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Thường xuyên chơi ở góc sách, tìm kiếm sách, bắt chước viết hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe. - <i>Nghe, đọc truyện, xem tranh ảnh để thấy được sự dạng, khác biệt ở hình dáng bên ngoài(người cao, thấp, da đen, da trắng, tóc đen, tóc vàng, người lành lặn, người khuyết tật và sở thích của mọi người</i>
MT 100: Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.	- Giữ gìn sách, bảo vệ sách
MT 101: Trẻ có thể nhận biết ý nghĩa một số kí hiệu, biểu tượng trong cuộc sống.	- Một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (đồ dùng cá nhân, nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông....) - Các nhãn hàng hóa.
MT 102: Trẻ có một số hành vi như người đọc sách.	- Phân mở đầu, kết thúc của sách. - Chỉ tên các phần của sách; Bìa, tranh minh họa, tên sách, tên tác giả... - Giở, lật, đọc từng trang từ trái sang phải, từ

	trên xuống dưới.
MT 103: Trẻ thích “Đọc” theo truyện tranh đã biết.	- "Đọc" theo truyện tranh đã biết với nội dung chính phù hợp các tranh vẽ; giờ tranh khi hết nội dung truyện
MT 104: Trẻ biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói; <i>biết sử dụng phần mềm kidsmart, bức tương tác để nhận đọc, nhận dạng, tập tô chữ cái</i>	- Nhận dạng các chữ cái - Hiểu rằng có thể dùng tranh ảnh, chữ viết, số, ký hiệu... để thay thế cho lời nói. - Trẻ hiểu rằng chữ viết có ý nghĩa và con người dùng chữ viết với nhiều mục đích khác nhau - Chơi các trò chơi trong phần mềm Kidsmart - trò chơi Happykid; Trò chơi: ABC Kids
MT 105: Trẻ biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.	- Viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác. - Trẻ dùng, tạo ra và sao chép các ký hiệu, biểu tượng hoặc hình vẽ, ký tự có tính chất sáng tạo để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ của bản thân;
MT 106: Trẻ thích bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái. <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm Happy Kid, bảng tương tác thông minh tô 29 chữ cái tiếng Việt</i>	- Tập tô, tập đồ các nét chữ - Sao chép một số ký hiệu, chữ cái tên của mình - Bắt chước hành vi viết trong vui chơi và trong hoạt động hàng ngày. - Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Sao chép được các từ, chữ cái theo trật tự. - Tô các nét chữ của chữ cái tiếng Việt với âm thanh hình ảnh tương ứng. - Trẻ tìm chữ cái in hoa, in thường và đọc. Tìm chữ cái theo yêu cầu. Tô màu chữ cái xuất hiện trên màn hình .(phần mềm Happy Kid)
MT 107: Trẻ biết “Viết” tên của bản thân theo cách của mình. <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm Happy Kid làm quen với cách viết tiếng Việt và cách sử dụng các câu chúc mừng.</i>	- Tên của mình trên các bảng ký hiệu đồ dùng cá nhân và sản phẩm của mình. - Ghép các chữ cái thành tên mình. - Sao chép tên mình hoặc tự “viết” tên của mình theo trí nhớ không cần sự giúp đỡ. - Lựa chọn từ để ghép thành câu chúc mừng theo gợi ý, sắp xếp các hình ảnh trang trí bưu thiếp theo chủ đề(phần mềm Happy Kid)
MT 108: Trẻ biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.	- "viết" tên theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới; - Hướng viết của các nét chữ

MT 109: Trẻ nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt	- Nhận dạng 29 chữ cái và phát âm đúng các chữ cái đó. - Chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và trong hoạt động hằng ngày của trẻ. - Mỗi chữ cái đều có tên, hình dạng, kiểu chữ khác nhau và cách phát âm riêng. - <i>Phân biệt các chữ cái theo 12 nhóm chữ cái mà trẻ được học: o ô ơ, a ă â, e ê, u ư, i t c, b d đ, m n l, h k, p q, g y, s x, v r.</i>
4. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
Thể hiện ý thức về bản thân	
MT 110: Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình.	- Địa chỉ nhà, số điện thoại của bố (mẹ) và gia đình - Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.
MT 111: Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.	- Trang phục phù hợp với giới tính - Trẻ phân biệt được giới tính một cách rõ ràng và biết cư xử phù hợp với giới tính của mình
MT 112: Trẻ nói được khả năng và sở thích của bản thân.	- Nói việc mình có thể làm được và việc mình không làm được phù hợp với sở thích và khả năng thực tế của bản thân. <i>Bày tỏ ý kiến về nhu cầu mong muốn, điểm mạnh, sở thích của bản thân hoặc của người khác gần gũi với trẻ</i> - <i>liên quan tới quyền tham gia của trẻ.</i> - Nói về điều trẻ thích, không thích đúng với biểu hiện trong thực tế.
MT 113: Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện ý thích riêng của bản thân.	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động; - Nêu hoặc lựa chọn được các trò chơi, hoạt động mà trẻ thích.
- Trẻ thể hiện sự tự tin tự lực	
MT 114: Trẻ cố gắng thực hiện công việc đến cùng.	- Cố gắng hoàn thành công việc được giao - Nhận công việc được giao mà không lưỡng lự.

MT 115: Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc.	- Thể hiện thái độ vui sướng, thích thú khi hoàn thành công việc (Khoe với người khác, ngắm nhìn kết quả đã làm được...)
MT 116: Trẻ biết chủ động làm một số công việc đơn giản hàng ngày.	- Thực hiện công việc được giao (Trục nhật xếp, dọn đồ chơi)
MT 117: Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.	- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".
<i>Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh</i>	
MT 118: Trẻ nhận biết được các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác.	- Các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
MT 119: Trẻ biết bộc lộ trạng thái cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, nét mặt.	- Bày tỏ cảm xúc phù hợp với người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
MT 120: Trẻ biết thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân bạn bè;	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn bè và người thân. - Nhận ra tâm trạng của bạn bè, người thân (buồn hay vui)
MT 121: Trẻ biết thể hiện sự thích thú trước cái đẹp.	- Nhận ra được cái đẹp. - Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát bản nhạc, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật... trẻ thích thú trước cái đẹp,
MT 122: Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật nuôi quen thuộc.	- Chăm các con vật ăn và ngắm nhìn, vuốt ve các con vật quen thuộc và chăm sóc, bảo vệ cây cối.
MT 123: Trẻ biết thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.	- Môi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
MT 124: Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích	- Sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân để giải quyết một số xung đột; Kiềm chế những hành vi tiêu cực khi có cảm xúc thái quá với sự giúp đỡ của người lớn

MT 125: Trẻ dễ chủ động hòa đồng trong nhóm chơi.	- Trong nhóm chơi dễ hoà đồng, dễ nhập cuộc, được mọi người tiếp nhận, chơi vui vẻ thoải mái, <i>cởi mở, tôn trọng, đoàn kết và trách nhiệm.</i>
MT 126: Trẻ chủ động giao tiếp với bạn bè và người lớn gần gũi.	- Chủ động đến nói chuyện giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi; - Mạnh dạn trả lời các câu hỏi khi được hỏi. - <i>Mọi trẻ trai, gái đều có thể mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến, tình cảm</i> phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau
MT 127: Trẻ thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi.	- Chia sẻ cảm xúc vui, buồn...với bạn bè và người thân, chia sẻ kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi
MT 128: Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp hoạn nạn khó khăn.	- Yêu mến, quan tâm đến mọi người, sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn - Khi thấy bạn cần sự giúp đỡ, chủ động đến giúp đỡ bạn - Khi bạn hay người lớn yêu cầu sự giúp đỡ sẽ nhiệt tình đến giúp đỡ nhau.
MT 129: Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên.	- Có ít nhất 2 bạn hay cùng chơi với nhau. <i>Chơi vui vẻ với tất cả các bạn và người khác (không kể giới tính, đặc điểm cá nhân, hoàn cảnh, nguồn gốc xuất thân)</i> - Thường hay chơi theo nhóm bạn. <i>Thể hiện trách nhiệm của bản thân qua các hoạt động và cách làm việc trong nhóm</i>
MT 130: Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.	- Xếp hàng, vui vẻ chờ đến lượt, không chen ngang, không xô đẩy người khác, không tranh giành, không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm.
MT 131: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc)	- Bác Hồ là vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc. - Lăng bác ở Thủ đô Hà Nội. - Nơi ở, nơi làm việc của Bác Hồ.
MT 132: Trẻ biết thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, kể	- Thể hiện tình cảm yêu quý, kính trọng Bác Hồ qua các bài hát, câu chuyện, bài thơ... về

chuyện...về Bác.	Bác
MT 133: Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (Trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử như chùa Non Đông, chùa Quỳnh Lâm, Khu di tích nhà Trần, Chùa Ngọa Vân... cảnh đẹp, lễ hội của địa phương, quê hương, đất nước
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
MT 134: Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng cử chỉ, lời nói lễ phép, lịch sự
MT 135: Trao đổi ý kiến của mình với các bạn.	- Lắng nghe ý kiến, trao đổi thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn
MT 136: Trẻ biết thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè.	- Chơi với bạn và nhường nhịn bạn trong khi chơi và học. - Biết dùng nhiều cách để giải quyết mâu thuẫn với bạn; - Không đánh bạn, không tranh giành đồ chơi, không la hét hoặc nằm ăn vạ; - Chơi vui vẻ với tất cả các bạn và người khác (không kể giới tính, đặc điểm cá nhân, hoàn cảnh, nguồn gốc xuất thân,
MT 137: Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.	- Tham gia vào vào việc tổ chức các sự kiện của nhóm. Nhận và thực hiện vai của mình trong các trò chơi cùng nhóm bạn. - Tôn trọng hợp tác chấp nhận, vui vẻ thực hiện nhiệm vụ.
MT 138: Trẻ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.	- Cùng bạn làm các công việc đơn giản và có thể chủ động làm trước các công việc và rủ bạn làm theo. - Phối hợp với bạn để thực hiện và hoàn thành công việc vui vẻ không xảy ra mâu thuẫn. - <i>Thể hiện trách nhiệm của bản thân qua các hoạt động và cách làm việc nhóm.</i>
MT 139: Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác	- Có thái độ đúng đắn khi nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác
MT 140: Trẻ có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn.	- Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn - Biết cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà; Biết xin lỗi khi biết mình đã mắc lỗi

MT 141: Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.	- Khi gặp khó khăn biết tìm sự hỗ trợ, biết sử dụng ngôn ngữ thích hợp để nhờ sự giúp đỡ của người khác. - Thể hiện sự hiểu biết khi nào thì cần nhờ sự giúp đỡ của người lớn
MT 142: Trẻ biết không nói leo, không ngắt lời người khác.	- Chú ý khi nghe cô và bạn nói không ngắt lời người khác.
MT 143: Trẻ nói được khả năng, sở thích của bạn và người thân.	- Thể hiện sự quan tâm tới người khác bằng cách nói đúng khả năng và sở thích của một số người gần gũi
MT 144: Trẻ chấp nhận sự khác biệt của người khác với mình.	- Nhận ra và chấp nhận sở thích giống và khác nhau giữa mình và các bạn khác - Không chê bai bạn bè. - <i>Không phân biệt đối xử với các bạn khác giới, các bạn có hoàn cảnh đặc biệt, các bạn có đặc điểm về ngoại hình không giống với mình.</i>
MT 145: Trẻ quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.	- Chia sẻ, nhường nhịn quan tâm đến sự công bằng trong nhóm chơi
<i>Quan tâm đến môi trường</i>	
MT 146: Trẻ nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường.	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi ‘Đúng-sai’ ‘Tốt- Xấu’ của con người với môi trường
MT 147: Trẻ có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Tiết kiệm điện, nước.... - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
MT 148: Trẻ thực hiện một số quy định ở gia đình và nơi công cộng.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng - Đồ đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ - Trật tự khi ăn, khi ngủ - Đi bên phải lề đường
5. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	
<i>5.1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật</i>	

MT 149: Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, đánh điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình, khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT 150: Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.
MT 151: Trẻ thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc.	- Thể hiện cảm xúc, thái độ, tình cảm và vận động nhịp nhàng phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu, nhanh, chậm, phối hợp.
5.2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình	
MT 152: Hát đúng giai điệu, bài hát trẻ em. <i>- Biết hát bài hát bằng nhiều hình thức khác nhau.</i>	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát - Hát lĩnh xướng, hát bè, hát đối, hát rập...
MT 153: Trẻ biết sử dụng phối hợp các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản.	- Lựa chọn, <i>phối hợp</i> các nguyên vật liệu tạo hình, <i>vật liệu trong thiên nhiên</i> để tạo ra các sản phẩm.
MT 154: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo thành bức tranh, <i>sản phẩm có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối; Biết sử dụng trò chơi trên phần mềm kidsmart để thiết kế sản phẩm bưu thiếp.</i>	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục. - <i>Bộ lộ cảm xúc, thái độ chân thực trước cái đẹp và sản phẩm nghệ thuật</i> - <i>ý thức giữ gìn, bảo vệ tôn trọng sản phẩm nghệ thuật.</i> - <i>Thực hành thiết kế sản phẩm bưu thiếp qua trò chơi trong phần mềm kidsmart: Ngôi nhà HAPPY KID (Làm bưu thiếp).</i>
5.3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	
MT 155: Trẻ có thể đặt tên mới cho đồ vật, đặt lời mới cho bài hát).	- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn) - <i>Đặt tên cho sản phẩm của mình. Sự đa dạng liên quan đến biểu hiện, sản phẩm văn hóa</i>

	(Cá nhân, gia đình...)
MT 156: Trẻ thể hiện ý tưởng của bản thân qua các hoạt động khác nhau. <i>Biết sử dụng máy tính với phần mềm kidsmart chơi với các trò chơi âm nhạc.</i>	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát bản nhạc yêu thích. - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - <i>Sáng tạo, phân biệt âm thanh và ghi nhớ khi sáng tác hoặc nhắc lại các mẫu âm thanh với các công cụ khác nhau</i> - <i>Phân biệt cao độ của âm thanh, ghi nhớ khi sáng tác hoặc nhắc lại các mẫu âm thanh với các cao độ khác nhau</i> - <i>Phối hợp âm nhạc, thao tác với các chuyển động và ảo giác về chiều sâu</i> - <i>Khám phá các quan hệ về không gian. Xử lý các chuyển động khi điều khiển chuyển động của các hình âm thanh tạo ra</i> - <i>Biết cách sử dụng các phương tiện nghệ thuật và công cụ khác nhau để thể hiện ý tưởng, cảm xúc của bản thân và giao tiếp với người khác và môi trường xung quanh.</i>
MT 157: Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm/ <i>bộ gõ cơ thể</i> theo phách, nhịp, tiết tấu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC, MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC VÀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ.

1. Nhà trẻ.

1.1. Các hoạt động giáo dục

a. Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hân hỷ, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

b. Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

c. Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

d. Hoạt động chơi - tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

e. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

1.2. Hình thức tổ chức

a. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6), ...).

b. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

c. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

1.3. Phương pháp giáo dục

a. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thoải mái nhu cầu giao tiếp, gắn bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

b. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác

quan, thoả mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh hoạ phù hợp.

c. Nhóm phương pháp thực hành

+ *Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi*

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

+ *Trò chơi*

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

+ *Luyện tập*

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

d. Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

e. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

1.4. Tổ chức môi trường giáo dục

(1) Môi trường vật chất

a. Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.

- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu qui định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- + Trẻ 24 - 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

b. Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.

- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

(2) Môi trường xã hội

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

1.5. Đánh giá sự phát triển của trẻ

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non, nhận định về sự phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

1.5.1. Đánh giá trẻ hàng ngày

a. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

b. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.

Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ

- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

c. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.

- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.

- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.

- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hàng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc giáo dục.

1.5.2. Đánh giá trẻ theo giai đoạn

a. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

b. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

c. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ
- Sử dụng bài tập tình huống
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ
- Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

d. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi (24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi

2. Mẫu giáo.

2.1. Các hoạt động giáo dục

a. Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

b. Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

c. Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

d. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nề nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

2.2. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục

a. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Ngày ra trường...).

b. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

c. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

2.3. Phương pháp giáo dục.

a. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

b. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (quan sát, làm mẫu, minh họa)

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

c. Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

d. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

e. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

f. Vận dụng hiệu quả phương pháp giáo dục STEAM với các độ tuổi, đặc biệt là độ tuổi mẫu giáo. Sự kết hợp này mang đến cho trẻ nhỏ sự hứng khởi trong học tập, thúc đẩy tư duy giải quyết vấn đề một cách khoa học, phát triển các kỹ năng như giao tiếp, hợp tác, xử lý thông tin, tự phục vụ, bảo đảm an toàn... Phương pháp giáo dục STEAM đem đến cho trẻ: cơ hội học trải nghiệm; cơ hội về kiến thức, kỹ năng trong thực tế cuộc sống, tạo ra những sản phẩm ý nghĩa; khuyến khích trẻ khám phá tìm tòi; phát huy năng lực tư duy sáng tạo, tư duy logic và khả năng giải quyết vấn đề, khơi dậy niềm yêu thích của trẻ với: Khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật, toán.

2.4. Tổ chức môi trường giáo dục

(1). Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung, chủ đề giáo dục.
- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.
- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.
- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.
- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.
- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.
- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.
- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.

(2). Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.
- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.
- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

2.5. Đánh giá sự phát triển của trẻ

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

2.5.1. Đánh giá trẻ hàng ngày

a. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

b. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khoẻ của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

c. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

2.5.2. Đánh giá trẻ theo giai đoạn

a. Mục đích đánh giá: Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

b. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

c. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

d. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng kết quả mong đợi cuối độ tuổi.

- Đánh giá mức độ phát triển thể chất cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

V. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG THEO QUAN ĐIỂM GIÁO DỤC TOÀN DIỆN, TÍCH HỢP, LẤY TRẺ LÀM TRUNG TÂM

Căn cứ hướng dẫn Chương trình GDMN của Bộ giáo dục và đào tạo; chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025”, Hướng dẫn thực hiện Chương trình GDMN sau sửa đổi và bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho CBQL và GVMN năm 2024. Trường Mầm non Xuân Sơn linh hoạt định hướng giáo viên mạnh dạn, lựa chọn và sáng tạo trong xây dựng môi trường giáo dục trang trí lớp, chuẩn bị nguồn học liệu phong phú, dễ tìm trong thiên nhiên, thân thiện với môi trường và tổ chức các hoạt động lấy trẻ làm trung tâm, áp dụng các phương pháp giáo dục từ các nước tiên tiến phù hợp với tình hình trẻ tại nhóm/lớp như: Steam, Montessori, Reggio Emilia, ... để giúp cho trẻ có nhiều cơ hội trải nghiệm, sáng tạo, và khơi mở những tiềm năng ở giai đoạn vàng.

Sử dụng nguồn học liệu từ chương trình “Tôi yêu Việt Nam” để rèn luyện và hình thành kỹ năng An toàn giao thông cho trẻ tại trường. Và thực hiện lồng ghép có hiệu quả các chuyên đề “Bảo vệ môi trường” và “Ứng phó với biến đổi khí hậu” vào trong các hoạt động giáo dục.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa theo khối lớp, có sự tham gia của cha mẹ học sinh nhằm nâng cao công tác phối hợp với xã hội, gia đình vào trong chương trình giáo dục mầm non, đúng với quan điểm “Giờ học hạnh phúc - giờ chơi sáng tạo” nhằm thực hiện chủ đề “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm”

Ngoài ra, nhà trường thực hiện lồng ghép các nội dung “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” thông qua việc phát huy giá trị lịch sử. Việc dạy lồng ghép các nội dung được thực hiện trong các hoạt động tham quan dã ngoại, trong các hoạt động vui hội ở các khối lớp, cuộc thi vẽ tranh, trong ngày hội của trường... một cách phù hợp.

VI. ĐÁNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH.

1. Nội dung đánh giá

1.1. Đánh giá kế hoạch giáo dục

1.1.1. Đánh giá kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

- Đánh giá các loại kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bao gồm: Kế hoạch giáo dục, kế hoạch chăm sóc nuôi dưỡng năm học chung cho từng độ tuổi của nhà trường; Kế hoạch năm học/kế hoạch chủ đề (tháng)/tuần/ngày của giáo viên xây dựng trên cơ sở kế hoạch năm học của trường.

- Xem xét đánh giá việc đảm bảo thực hiện quy định trong tổ chức xây dựng các loại kế hoạch trên.

1.1.2. Đánh giá tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

Hoạt động quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an toàn tại trường, các nhóm/lớp thông qua các hoạt động tổ chức ăn, ngủ, vệ sinh, lao động, chăm sóc sức khỏe và an toàn.

1.1.3. Đánh giá sự phát triển của trẻ

- Đánh giá việc thực hiện mục đích, nội dung, phương pháp, hình thức đánh giá sự phát triển của trẻ

- Đánh giá việc sử dụng và lưu trữ kết quả tài liệu, thông tin liên quan đến đánh giá sự phát triển của trẻ để nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục.

1.2. Đánh giá việc tổ chức môi trường giáo dục

- Đánh giá việc tổ chức môi trường vật chất của nhà trường, của từng nhóm/lớp: Thiết kế, sắp xếp, khai thác, sử dụng các góc hoạt động trong và ngoài nhóm/lớp; thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, học liệu...đảm bảo an toàn về thể chất, tận dụng các không gian hiện có của nhóm/lớp phù hợp, linh hoạt, tạo nhiều cơ hội cho trẻ trải nghiệm, thực hành, khám phá, kích thích sự sáng tạo của trẻ không hình thức, lãng phí.

- Đánh giá việc tổ chức môi trường xã hội trong tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục: Môi trường mang đến cho trẻ cảm giác an toàn về tinh thần, vui vẻ, thoải mái, thân thuộc, có nhiều cơ hội để thể hiện và phát triển năng lực cá nhân.

1.3. Đánh giá đội ngũ thực hiện kế hoạch

- Hiểu biết về sự phát triển của trẻ và các nguyên tắc giáo dục thể hiện qua việc nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ

- Khả năng làm việc và đạo đức nghề nghiệp

1.4. Đánh giá công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình, cộng đồng

- Các định hướng, quy định về công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình, cộng đồng.

- Hỗ trợ, phối hợp trong bảo vệ trẻ em và hướng dẫn để cha mẹ trẻ tham gia vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

1.5. Đánh giá thực hiện giáo dục hòa nhập

- Đánh giá khả năng tiếp cận và sự công bằng trong tiếp cận cơ hội học tập

- Đánh giá nhân lực/đội ngũ và các hoạt động chỉ đạo, phối hợp hỗ trợ giáo dục hòa nhập

1.6. Đánh giá hoạt động kiểm tra, đánh giá

- Đánh giá việc xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chương trình

- Đánh giá việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chương trình đầy đủ các nội dung: kiểm tra chương trình, kiểm tra đội ngũ, kiểm tra môi trường...

- Đánh giá việc thực hiện các hình thức kiểm tra, đánh giá

- Đánh giá việc lưu trữ văn bản, tài liệu, thông tin liên quan đến kiểm tra, đánh giá.

2. Thời gian, chu kỳ đánh giá

Đánh giá thực hiện chương trình được tổ chức thường xuyên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học.

3. Hình thức, phương pháp đánh giá

3.1. Hình thức đánh giá

- Theo thời gian: Đánh giá thường xuyên, đột xuất, định kỳ

- Theo nội dung: Đánh giá toàn diện hoặc một nội dung trọng tâm nào đó

- Theo phương pháp: Đánh giá trực tiếp bằng văn bản, hoặc đánh giá gián tiếp qua dự giờ, thăm lớp, qua sinh hoạt chuyên môn...

- Theo chủ thể đánh giá: Cán bộ quản lý/giáo viên tự đánh giá

3.2. Phương pháp đánh giá

- Phân tích sản phẩm

- Quan sát thực tế

- Trao đổi, tọa đàm, phỏng vấn, thảo luận

- Xây dựng các tiêu chí, minh chứng để đánh giá từng nội dung

4. Tổng hợp kết quả đánh giá, đề xuất giải pháp và thực hiện điều chỉnh:

Trên cơ sở nhận định, xác định được mức độ đạt về nội dung đánh giá, cán bộ quản lý và giáo viên đề xuất các giải pháp tác động để thực hiện điều chỉnh

- Cán bộ quản lý: Đề xuất và thực hiện các giải pháp liên quan đến nâng cao chất lượng về chương trình, môi trường giáo dục, đội ngũ thực hiện, phối hợp giữa nhà trường, cộng đồng và gia đình,, hoạt động kiểm tra, đánh giá...

- Giáo viên, nhân viên đề xuất và thực hiện các giải pháp liên quan đến vị trí việc làm, thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với nhiệm vụ của giáo viên, nhân viên.

5. Đánh giá chương trình cho trẻ mẫu giáo làm quen với công nghệ số.

5.1. Mục đích đánh giá

Thu thập thông tin về khả năng sử dụng máy tính và khai thác các phần mềm kidsmart của trẻ, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, định hướng về phương pháp, nội dung, điều kiện, kế hoạch, và các hoạt động cho trẻ làm quen với công nghệ số.

5.2. Nội dung đánh giá

Đánh giá sự tiến bộ của trẻ theo yêu cầu cần đạt và sự hứng thú của trẻ đối với các hoạt động cho trẻ làm quen với kidsmart

5.3. Phương pháp đánh giá

Trẻ được đánh giá thông qua một hoặc kết hợp các phương pháp sau:

- Quan sát: Quan sát biểu hiện và việc sử dụng các phần mềm kidsmart của trẻ trong hoạt động làm quen với tin học.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ: Sử dụng lời nói, hệ thống câu hỏi trong các ngữ cảnh giao tiếp với trẻ;
- Sử dụng trò chơi: Sử dụng các trò chơi phù hợp nhằm đánh giá phản ứng ngôn ngữ của trẻ trong quá trình tham gia trò chơi và giao tiếp;
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ: Phân tích các sản phẩm của trẻ trong quá trình tham gia các hoạt động làm quen với các nội dung phần mềm kidsmart.

5.4. Hình thức đánh giá

- Đánh giá trẻ thường xuyên được thực hiện thông qua quan sát trẻ trong các hoạt động vui chơi tại phòng kidsmart và các tình huống giao tiếp, các biểu hiện tiến bộ của trẻ về các kỹ năng thực hành các bài tập trong trò chơi.
- Hoạt động đánh giá được thực hiện nhẹ nhàng, thân thiện; khích lệ sự tiến bộ của từng trẻ.

5.5. Thời lượng, thời gian, địa điểm học, số lượng học sinh/ca

* Thời lượng:

- Chương trình 5 buổi chiều/tuần, độ tuổi 5 tuổi 02 buổi, độ tuổi 4 tuổi 02 buổi, độ tuổi 3 tuổi 01 buổi (Thứ 2, thứ 3, thứ 4, thứ 5, thứ 6)

- Thời gian: 3 tuổi 20 phút, 4 tuổi 25 phút, 5 tuổi 30 phút/buổi

* Thời gian tổ chức: Hoạt động chiều theo từng độ tuổi

* Địa điểm: Tại phòng kidsmart (phòng đa chức năng)

* Số lượng học sinh/buổi: Theo số lượng học sinh của lớp

5.6. Cơ sở vật chất

Nhà trường bố trí 01 phòng học kidsmart có 07 máy tính và 03 bàn tương tác, phòng kidsmart có kết nối mạng Internet, cài đặt phần mềm; không gian phòng thoáng, tiện lợi cho việc tổ chức các hoạt động tương tác trong quá trình giảng dạy và tổ chức các hoạt động giáo dục.

VII. Tổ chức thực hiện chương trình

1. Đối với Hiệu trưởng

- Phối hợp với hội đồng nhà trường thực hiện xây dựng kế hoạch phát triển Chương trình giáo dục mầm non dựa trên Thông tư 51/TT-BGDĐT của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành.
- Phê duyệt chương trình giáo dục nhà trường
- Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục nhà trường tới đội ngũ.
- Chuẩn bị tốt cơ sở vật chất, kinh phí để thực hiện chương trình.
- Tổ chức cho CBGV đi tham quan học tập các trường trọng điểm trong thị xã, trong tỉnh.

2. Đối với phó hiệu trưởng

- Hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục tại các tổ chuyên môn, nhóm, lớp.
- Thường xuyên đôn đốc, giám sát, hỗ trợ các tổ/nhóm chuyên môn và giáo viên trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch
- Cập nhật kịp thời nội dung kế hoạch phát triển chương trình của nhà trường lên trên Website và các bảng thông tin tại trường để thực hiện, công khai và tạo điều kiện để CMHS, gia đình và xã hội cùng tham gia hỗ trợ, đóng góp.
- Xây dựng bộ công cụ đánh giá, lấy đó làm cơ sở để giáo viên, các tổ chuyên môn và CBQL đánh giá việc thực hiện phát triển chương trình giáo dục của nhà trường một cách kịp thời.
- Tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm, đánh giá, điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường cho phù hợp.

2. Đối với tổ trưởng chuyên môn

- Phối hợp với cán bộ phụ trách chuyên môn kiểm tra việc xây dựng và thực hiện kế hoạch, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch.
- Phối hợp với cán bộ phụ trách chuyên môn bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên. Sinh hoạt tổ chuyên môn vào tuần 2 và tuần 4 hàng tháng. Tuần 1, tuần 3 các khối dự giờ đồng nghiệp, chuẩn bị nguyên vật liệu phục vụ cho mỗi chủ đề.
- Căn cứ vào kế hoạch của nhà trường tổ trưởng, khối trưởng xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục từng chủ đề phù hợp với từng độ tuổi về yêu cầu phát triển các lĩnh vực.

Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ với nhà trường.

3. Đối với giáo viên

- Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học, kế hoạch giáo dục tháng/chủ đề, kế hoạch giáo dục tuần, ngày linh hoạt phù hợp với nhận thức của trẻ và điều kiện của nhóm, lớp.

- Thực hiện tốt việc đánh giá trẻ và điều chỉnh kế hoạch.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động.
- Tích cực bồi dưỡng chuyên môn, đặc biệt ứng dụng các phương pháp tiên tiến vào dạy trẻ như phương pháp Steam, Montessori, Reggio Emilia tổ chức các hoạt động cho trẻ thông qua vui chơi, trải nghiệm để trẻ nắm bắt kiến thức, kỹ năng.

Trên đây là chương trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nhà trường năm học 2024-2025 của trường Mầm non Xuân Sơn, yêu cầu CBQLGV xây dựng các loại kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định phù hợp với độ tuổi, điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp. Trong quá trình thực hiện có sự điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh thực tế để đạt được kết quả tốt nhất trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường./.

Nơi nhận :

- Các phó HT (c/đ);
- Các tổ CM, GV (thực hiện);
- Lưu VT-HSCM.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Ngọc Sang